

BỘ CÔNG THƯƠNG
VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ



THÔNG TIN XUẤT KHẨU VÀO THỊ TRƯỜNG EU
MẶT HÀNG GIÀY DÉP

MẶT HÀNG GIÀY DÉP

I.	THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG EU.....	2
❖	Quy mô thị trường.....	2
❖	Nhu cầu nhập khẩu.....	3
❖	Các nguồn cung ứng	6
❖	Thị hiếu, xu hướng tiêu dùng.....	10
II.	TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CUNG ỨNG CỦA VIỆT NAM	12
III.	THỰC TRẠNG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG CỦA VIỆT NAM SANG EU	14
❖	Tổng quan xuất khẩu mặt hàng Việt Nam	14
❖	Xuất khẩu mặt hàng sang EU.....	17
IV.	CÁC NỘI DUNG CAM KẾT LIÊN QUAN TRONG HIỆP ĐỊNH EVFTA	28
❖	Cam kết về thuế quan	28
❖	Cam kết về quy tắc xuất xứ	32
❖	Cam kết về chứng nhận xuất xứ	32
❖	Cam kết chung về sở hữu trí tuệ.....	38
❖	Cam kết chung về phát triển bền vững	40
V.	THÔNG TIN CHÍNH SÁCH, QUY ĐỊNH LIÊN QUAN CỦA EU	42
❖	Quy định về an toàn sản phẩm	42
❖	Quy định REACH	42
❖	Danh sách các chất hoá học bị hạn chế sử dụng	43
❖	Một số chất hoá học bị hạn chế/cấm sử dụng.....	44
❖	Công ước CITES.....	46
❖	Ghi nhãn sản phẩm.....	47
❖	Đóng gói sản phẩm	47
❖	Quyền sở hữu trí tuệ.....	48
❖	Thủ tục hải quan	49
VI.	THỰC TIỄN NĂM ĐẦU THỰC THI HIỆP ĐỊNH EVFTA TRONG XUẤT KHẨU MẶT HÀNG SANG THỊ TRƯỜNG EU	54
VII.	DOANH NGHIỆP CẦN LÀM GÌ ĐỂ TẬN DỤNG EVFTA XUẤT KHẨU MẶT HÀNG SANG THỊ TRƯỜNG EU	62
VIII.	CÁC ĐỊA CHỈ, THÔNG TIN HỮU ÍCH.....	75

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ, Bộ Công Thương

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: vuaumy.moit@gmail.com

Website: goglobal.moit.gov.vn

I. Thông tin thị trường EU

❖ Quy mô thị trường

Theo số liệu của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC), trong giai đoạn 2016 – 2020, trung bình thế giới nhập khẩu 135,4 tỷ USD/năm mặt hàng giày dép. Năm 2020, ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 đã khiến nhập khẩu mặt hàng này trên thế giới giảm mạnh (giảm 15,45% so với năm 2019), đạt giá trị 124,5 tỷ USD.

Trong đó, Liên minh châu Âu (EU) là thị trường nhập khẩu giày dép lớn nhất thế giới, chiếm 42,49% thị phần năm 2020. Với mức sống cao, EU có nhu cầu tiêu thụ giày dép, bình quân 6 - 7 đôi/người/năm.

EU cũng sở hữu ngành công nghiệp giày dép phát triển quy mô lớn và hiện đại. Tuy nhiên, cạnh tranh từ các nước có giá nhân công rẻ đã khiến tăng trưởng sản xuất ngành da giày EU chững lại, thay vào đó EU trở thành khu vực thị trường nhập khẩu lớn. Các nước sản xuất da giày lớn ở châu Âu là Italia, Tây Ban Nha, Pháp, Đức tập trung sản xuất những sản phẩm cao cấp với những nhãn hiệu nổi tiếng, còn lại khoảng 40% giày dép tiêu thụ ở khu vực này được nhập khẩu từ thị trường ngoại khối, chủ yếu theo các đơn đặt hàng.



❖ **Nhu cầu nhập khẩu**

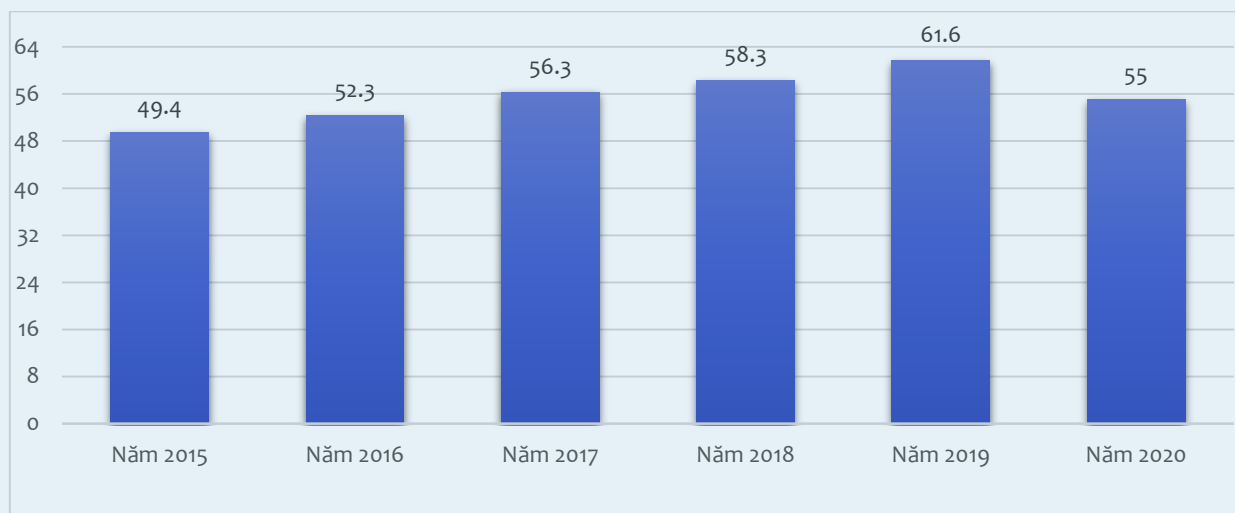
EU là một thị trường tiêu thụ giày dép rất ổn định và đầy tiềm năng. Theo thống kê từ ITC, nhập khẩu giày dép các loại của EU tăng liên tục trong giai đoạn 2015 – 2019, với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 5,7%/năm, với kim ngạch nhập khẩu trong năm 2015 đạt 49,4 tỷ USD, đến năm 2019 tăng lên 61,62 tỷ USD. Năm



2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nên nhập khẩu giày dép các loại vào EU giảm 10,8% so với năm 2019, đạt 54,99 tỷ USD. Tính chung trong giai đoạn 2015 – 2020, nhập khẩu giày dép các loại vào EU tăng trưởng bình quân 2,2%/năm.

Biểu đồ 1: Kim ngạch nhập khẩu giày dép của EU qua các năm

Đơn vị tính (ĐVT): tỷ USD



Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

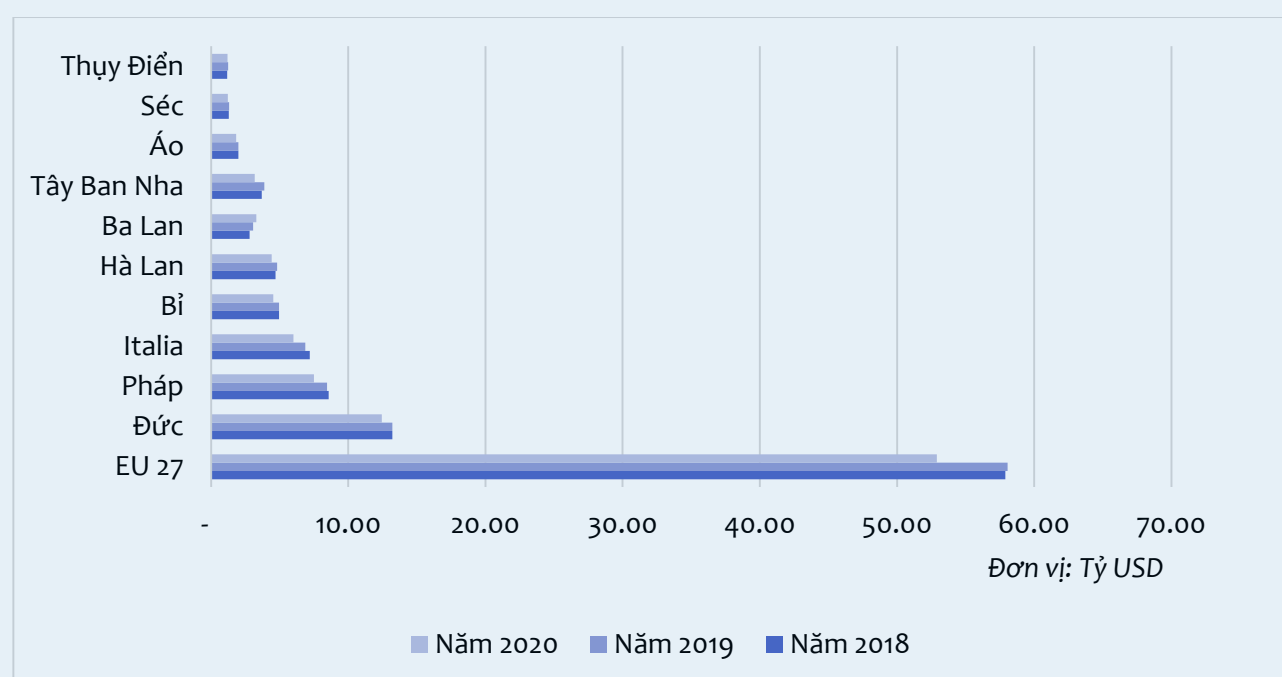
Trong giai đoạn năm 2015 – 2019, nhập khẩu giày dép của tất cả các nước thành viên EU đều tăng. Trong đó, thị trường ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhất

là Ba Lan đạt 18,4%/năm; tiếp đến là các thị trường: Hungary tăng 13,0%/năm, Bungari tăng 12,4%/năm, Látvia tăng 11,0%/năm, Rumani tăng 10,8%/năm...

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên nhập khẩu giày dép các loại của tất cả các thành viên EU đều giảm so với năm 2019. Trong đó, có 18 thị trường giảm ở mức 2 con số; trong số này có nhiều thị trường chủ chốt như Pháp giảm 12,8%, Italia giảm 14,5%, Bỉ giảm 10,0%, Hà Lan giảm 10,1%.

Trong EU, Đức là thị trường nhập khẩu nhiều nhất giày dép các loại, chiếm khoảng 23% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này vào EU. Tiếp theo là các thị trường: Pháp, Italia, Bỉ, Hà Lan, Ba Lan, Tây Ban Nha...

Biểu đồ 2: 10 quốc gia nhập khẩu giày dép lớn nhất tại EU



Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

Bảng 1: Kim ngạch nhập khẩu mặt hàng giày dép của các nước EU 2015-2020

ĐVT: triệu USD

Thị trường	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng	49.351	52.281	56.267	58.278	61.619	54.986
Đức	11.187	11.869	13.014	13.128	13.881	12.839
Pháp	7.773	8.123	8.544	8.723	9.072	7.912

Thị trường	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Italia	6.318	6.529	6.631	7.169	7.230	6.184
Bỉ	3.906	4.295	4.908	4.924	5.207	4.686
Hà Lan	4.443	4.522	4.890	4.875	5.177	4.654
Ba Lan	1.659	1.762	2.206	2.823	3.255	3.415
Tây Ban Nha	3.362	3.577	3.749	3.860	4.265	3.359
Áo	1.708	1.783	1.863	1.979	2.085	1.873
Thụy Điển	1.087	1.214	1.214	1.264	1.417	1.338
CH Séc	970	1.175	1.313	1.118	1.202	1.087
Rumani	773	889	1.065	1.103	1.165	1.043
Slovakia	1.025	981	1.022	1.079	1.048	901
Đan Mạch	922	1.025	1.012	984	981	889
Bồ Đào Nha	822	907	931	957	991	772
Hungary	560	655	726	865	915	762
Hy Lạp	585	620	637	702	848	667
Ai Len	471	459	489	502	555	521
Croatia	322	356	379	421	423	398
Phần Lan	368	364	392	422	399	347
Slovenia	282	302	331	354	378	337
Bungari	182	213	242	258	290	258
Lítva	185	187	212	235	241	214
Lúcsembua	116	118	116	133	150	158
Látvia	119	139	151	154	182	154
Estonia	103	113	116	123	130	121
Síp	72	75	81	85	84	69
Manta	31	27	33	37	45	27

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

Bảng 2: Tốc độ nhập khẩu mặt hàng giày dép của các nước EU 2015-2020

Thị trường	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)	Tăng trưởng so với năm trước (%)					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng	2,2	11,1	5,9	7,6	3,6	5,7	-10,8
Đức	2,8	14,5	6,1	9,6	0,9	5,7	-7,5
Pháp	0,4	9,6	4,5	5,2	2,1	4,0	-12,8
Italia	-0,4	8,5	3,3	1,6	8,1	0,9	-14,5
Bỉ	3,7	14,0	9,9	14,3	0,3	5,7	-10,0
Hà Lan	0,9	20,0	1,8	8,1	-0,3	6,2	-10,1
Ba Lan	15,5	20,2	6,2	25,2	28,0	15,3	4,9
Tây Ban Nha	0,0	11,8	6,4	4,8	3,0	10,5	-21,3

Thị trường	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)	Tăng trưởng so với năm trước (%)					
		Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Áo	1,9	-2,7	4,4	4,5	6,2	5,4	-10,2
Thụy Điển	4,2	25,2	11,7	0,0	4,1	12,1	-5,6
CH Séc	2,3	11,0	21,1	11,7	-14,8	7,5	-9,6
Rumani	6,2	-3,1	15,0	19,8	3,6	5,6	-10,5
Slovakia	-2,5	5,1	-4,3	4,2	5,6	-2,8	-14,0
Đan Mạch	-0,7	2,1	11,2	-1,3	-2,8	-0,3	-9,3
Bồ Đào Nha	-1,2	6,6	10,4	2,6	2,8	3,6	-22,1
Hungary	6,3	3,1	16,8	10,9	19,1	5,8	-16,8
Hy Lạp	2,7	4,8	6,1	2,8	10,0	20,9	-21,4
Ai Len	2,0	23,7	-2,6	6,4	2,6	10,6	-6,1
Croatia	4,3	16,1	10,7	6,4	11,1	0,5	-5,9
Phần Lan	-1,1	-2,1	-1,1	7,8	7,6	-5,4	-12,9
Slovenia	3,6	-0,5	7,3	9,6	6,9	6,7	-10,9
Bungari	7,2	5,0	17,3	13,6	6,3	12,6	-11,2
Lítva	3,0	-5,9	1,2	13,2	11,3	2,4	-11,1
Lúcsembua	6,3	3,5	1,5	-2,1	14,7	13,3	5,1
Látvia	5,3	-11,2	16,7	8,2	2,5	17,6	-15,0
Estonia	3,3	-24,0	9,1	2,9	6,4	5,6	-6,8
Síp	-0,9	4,0	3,5	8,5	4,6	-1,1	-17,8
Manta	-2,5	5,3	-10,7	20,3	12,8	20,7	-39,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

❖ Các nguồn cung ứng

Nguồn cung nội khối

Theo số liệu của ITC, tỷ trọng nhập khẩu giày dép từ các thị trường nội khối chiếm khoảng 59% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này tại EU và có xu hướng tăng trong giai đoạn 2015 – 2020, từ mức 56,4% năm 2015 lên mức 61,3% năm 2020.

Trong giai đoạn này, nhập khẩu giày dép các loại của EU từ nội khối tăng trong khi nhập khẩu từ ngoại khối giảm nhẹ. Nhập khẩu từ nội khối tăng trưởng trung bình 3,9%/năm, nhanh hơn so với mức nhập khẩu của toàn khối EU (2,2%).

Đức, Italia, Bỉ là ba nhà cung ứng nội khối lớn nhất trong EU. Trong đó, năm 2020, Đức chiếm tỷ trọng 12,13%, với kim ngạch xuất khẩu đạt 6,7 tỷ USD, ghi nhận

mức tăng trưởng bình quân 9,3%/năm trong giai đoạn 2015-2020. Tiếp theo là Italia và Bỉ với tỷ trọng năm 2020 lần lượt là 9,31% và 7,71%.

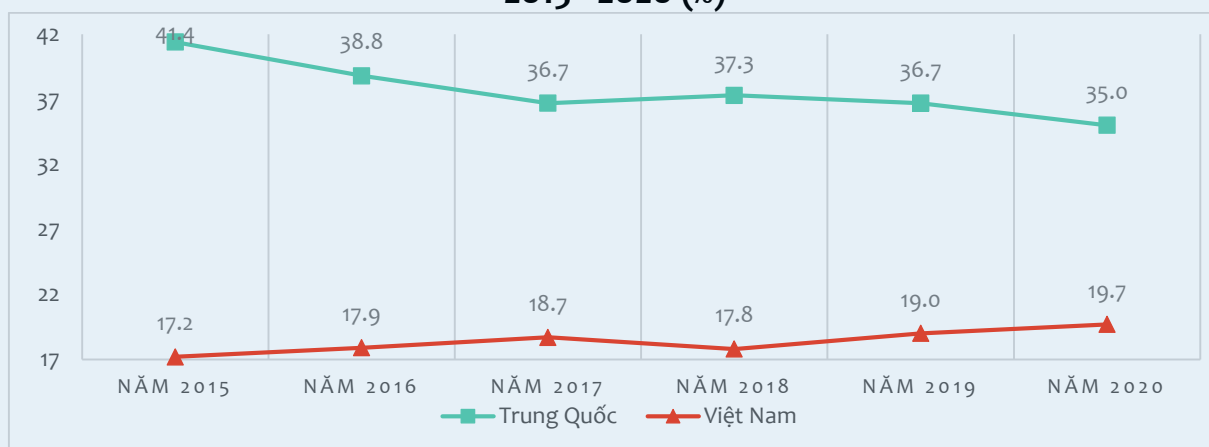
Trong số các nhà cung ứng nội khối, Ba Lan là nhà cung ứng có sự gia tăng thị phần và tăng trưởng xuất khẩu mạnh nhất, đạt tăng trưởng bình quân 26,5%/năm trong giai đoạn 2015-2020; thị phần của Ba Lan tăng từ 1,69% năm 2015 lên 4,91% năm 2020.

Nguồn cung ngoại khối

Tỷ trọng nhập khẩu giày dép từ các thị trường ngoại khối vào EU giảm từ 43,6% trong năm 2015 xuống còn 38,7% trong năm 2020, theo tính toán từ số liệu ITC.

Các nhà cung cấp ngoại khối chính cho EU gồm có Trung Quốc, Việt Nam, Anh, Indonesia và Ấn Độ. Trong đó, Trung Quốc là nguồn cung ứng lớn nhất chiếm 35% thị phần; Việt Nam đứng thứ hai chiếm 19,7% thị phần năm 2020. Đáng chú ý, ở giai đoạn 2015-2020, trong khi tốc độ nhập khẩu giày dép từ Trung Quốc bình quân giảm 3,5%/năm, thì nhập khẩu mặt hàng này từ Việt Nam lại ghi nhận tăng trưởng khá, đạt 2,4%/năm.

Biểu đồ 3: Thị phần giày dép (HS 64) của Việt Nam và Trung Quốc trong giai đoạn 2015 - 2020 (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

Bảng 3: Nguồn cung giày dép các loại (HS 64) cho EU giai đoạn 2015-2020

Nhà cung ứng	2015 (triệu USD)	2016 (triệu USD)	2017 (triệu USD)	2018 (triệu USD)	2019 (triệu USD)	2020 (triệu USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)
Tổng	49.351	52.281	56.267	58.278	61.619	54.986	2,2
Nội khối	27.823	30.108	32.676	34.432	36.391	33.726	3,9
Đức	4.281	4.800	5.911	6.612	7.113	6.671	9,3
Italia	4.718	4.915	5.179	5.443	5.676	5.020	1,2
Bỉ	3.706	4.061	4.238	4.409	4.713	4.519	4,0
Hà Lan	2.991	3.362	3.634	3.477	3.810	3.443	2,9
Ba Lan	834	1.034	1.313	1.609	2.299	2.700	26,5
Pháp	1.896	2.094	2.317	2.662	2.507	2.423	5,0
Tây Ban Nha	1.848	2.017	2.080	2.122	2.209	1.897	0,5
Bồ Đào Nha	1.631	1.738	1.750	1.712	1.638	1.359	-3,6
Slovakia	976	1.013	1.056	1.109	1.065	919	-1,2
Rumani	1.309	1.311	1.260	1.272	1.102	898	-7,3
CH Séc	811	892	894	708	752	778	-0,8
Áo	647	677	735	806	866	715	2,0
Đan Mạch	533	477	479	499	493	464	-2,7
Hungary	449	423	491	479	509	423	-1,2
Thụy Điển	213	213	226	277	307	319	8,5
Croatia	160	190	230	275	301	257	9,9
Slovenia	173	192	207	220	201	194	2,3
Bungari	231	222	227	208	207	174	-5,6
Lúcsembua	38	36	27	42	81	119	25,8
Hy Lạp	70	95	95	118	153	107	8,9
Ngoại khối	21.528	22.173	23.591	23.846	25.228	21.260	-0,2
Trung Quốc	8.906	8.613	8.648	8.887	9.259	7.446	-3,5
Việt Nam	3.706	3.977	4.403	4.244	4.805	4.182	2,4
Anh	1.690	1.984	2.142	2.136	2.114	1.845	1,8
Indonesia	1.617	1.653	1.767	1.598	1.670	1.546	-0,9
Ấn Độ	1.230	1.248	1.312	1.302	1.299	996	-4,1
Thụy Sĩ	450	564	724	916	998	905	15,0
Campuchia	373	448	581	649	771	655	11,9
Tunisia	461	459	491	537	547	450	-0,5
Bangladesh	364	408	443	460	495	424	3,1
Albani	355	427	478	523	520	414	3,1

Nhà cung ứng	2015 (triệu USD)	2016 (triệu USD)	2017 (triệu USD)	2018 (triệu USD)	2019 (triệu USD)	2020 (triệu USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)
Bosnia và Herzegovina	396	415	431	463	464	395	-0,1
Thổ Nhĩ Kỳ	166	204	229	255	320	319	14,0
Morocco	356	346	351	338	334	261	-6,0
Séc-bia	186	214	249	268	255	219	3,4
Myanmar	23	58	98	132	195	201	53,9
Braxin	227	221	246	250	243	194	-3,1
Ukraina	88	101	109	127	124	113	5,0
Thái Lan	158	150	147	132	140	109	-7,1
Pakistan	80	72	72	87	89	81	0,3
Mỹ	76	68	69	84	104	79	0,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

Bảng 4: Tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu giày dép các loại từ các thị trường ngoại khối trong giai đoạn 2015 – 2020 (%)

Thị trường	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Trung Quốc	41,4	38,8	36,7	37,3	36,7	35,0
Việt Nam	17,2	17,9	18,7	17,8	19,0	19,7
Anh	7,9	8,9	9,1	9,0	8,4	8,7
Indonesia	7,5	7,5	7,5	6,7	6,6	7,3
Ấn Độ	5,7	5,6	5,6	5,5	5,2	4,7
Thụy Sĩ	2,1	2,5	3,1	3,8	4,0	4,3
Campuchia	1,7	2,0	2,5	2,7	3,1	3,1
Tunisia	2,1	2,1	2,1	2,3	2,2	2,1
Bangladesh	1,7	1,8	1,9	1,9	2,0	2,0
Albani	1,6	1,9	2,0	2,2	2,1	1,9
Bosnia và Herzegovina	1,8	1,9	1,8	1,9	1,8	1,9
Thổ Nhĩ Kỳ	0,8	0,9	1,0	1,1	1,3	1,5
Morocco	1,7	1,6	1,5	1,4	1,3	1,2
Séc-bia	0,9	1,0	1,1	1,1	1,0	1,0
Myanmar	0,1	0,3	0,4	0,6	0,8	0,9

Thị trường	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Braxin	1,1	1,0	1,0	1,0	1,0	0,9
Ucraina	0,4	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
Thái Lan	0,7	0,7	0,6	0,6	0,6	0,5
Pakistan	0,4	0,3	0,3	0,4	0,4	0,4
Mỹ	0,4	0,3	0,3	0,4	0,4	0,4
Hồng Kông	0,9	0,2	0,2	0,2	0,2	0,3
Philippin	0,1	0,2	0,3	0,4	0,3	0,2
Moldova	0,3	0,3	0,3	0,3	0,2	0,2
Dominica	0,2	0,2	0,2	0,1	0,2	0,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của ITC

❖ Thị hiếu, xu hướng tiêu dùng

Tại thị trường EU, ngoài giá cả, chất lượng là yếu tố được quan tâm hàng đầu đối với phần lớn các mặt hàng được tiêu thụ, trong đó có giày dép. Đặc biệt đối với mặt hàng giày dép thì yếu tố thời trang được người tiêu dùng EU hết sức coi trọng. Nét độc đáo và đặc biệt của sản phẩm so với sản phẩm khác của đối thủ cạnh tranh sẽ có sức thu hút lớn đối với họ. Ngoài ra, người tiêu dùng tại EU có xu hướng lựa chọn sản phẩm dựa trên nhãn hiệu và nguồn gốc xuất xứ.

Tại EU, thị trường giày dép rất đa dạng, phong phú, bao gồm nhiều loại vật liệu (dệt, nhựa, cao su và da), các sản phẩm từ giày dép nam, nữ, trẻ em đến các loại sản phẩm chuyên dụng như giày trượt tuyết, giày bảo hộ...



Giày dép với các thương hiệu đã định hình và nổi tiếng trên thị trường thường được bán tại các cửa hàng của thương hiệu đó hoặc cửa hàng giày dép chuyên dụng, ví dụ như: hàng thể thao, hàng giày dép công sở hoặc giày cho trẻ em/người lớn... Các cửa hàng bán quần áo cũng thường kết hợp với giày dép cùng xu hướng, cùng lứa tuổi hoặc theo tính năng sử dụng theo mùa. Giày dép cấp thấp hơn được bán tại các chợ, cửa hàng của người châu Á... Trong các siêu thị bán buôn như Makro hay Sligro cũng có bày bán giày dép nhưng số lượng không đáng kể.



Trong bối cảnh nhu cầu thay đổi sản phẩm thời trang cao và xu hướng cá nhân hóa sản phẩm, việc liên tục thay đổi kiểu dáng và mẫu mã sản phẩm trở nên cần thiết. Phương thức sản xuất đại trà dần thay đổi theo hướng giảm thiểu về quy mô mỗi lô hàng để tránh tồn kho cao. Hiện nay, người tiêu dùng đã có thể thiết kế riêng sản phẩm giày dép theo phong cách cá nhân của riêng mình như lựa chọn màu sắc, họa tiết, chất liệu, thiết kế, mẫu mã và đặt hàng trực tiếp từ nhà sản xuất.

Nhà sản xuất cần nhanh chóng thay đổi phương thức sản xuất để bắt kịp xu hướng tiêu dùng mới. Thay vì chờ đợi những đơn hàng lớn, cần chú trọng sản xuất

đơn hàng nhỏ có tính khác biệt, thời gian giao hàng nhanh. Đồng thời, linh hoạt trong sản xuất và quản lý để đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng.

Ngoài ra, xu hướng tiêu dùng trên thế giới đối với các sản phẩm nói chung là giảm dần mua sắm qua các kênh bán lẻ truyền thống và tăng mua sắm qua các phương tiện thương mại điện tử. Do vậy, doanh nghiệp cũng cần lưu ý phát triển thêm các phương thức bán hàng online.



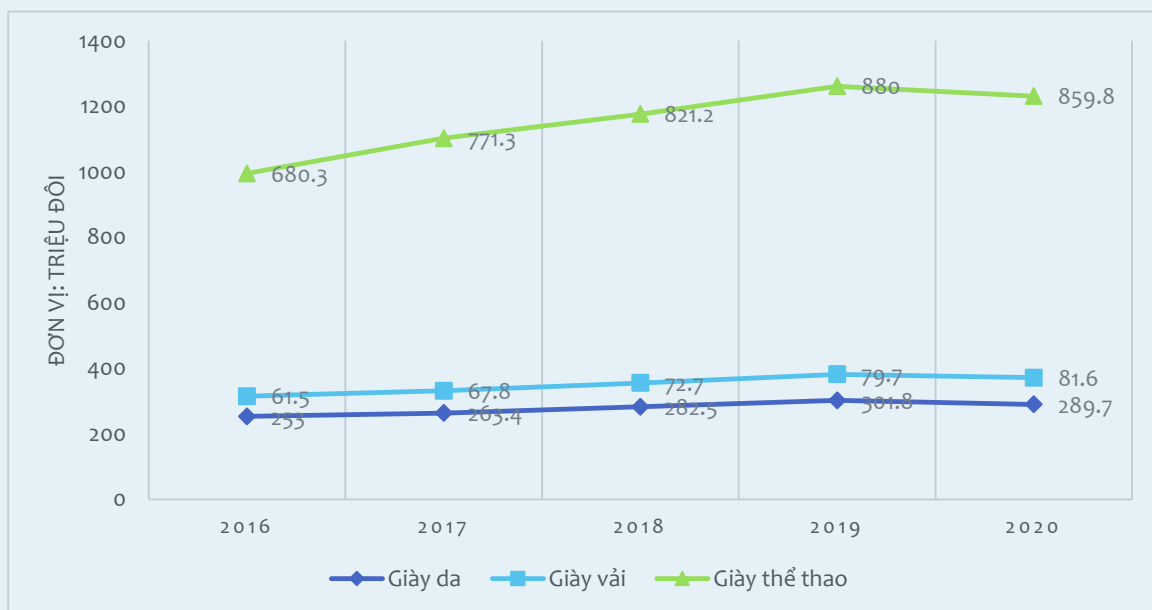
II. Tình hình sản xuất cung ứng của Việt Nam

❖ ***Sản xuất giày dép của Việt Nam tăng trưởng khả quan trong những năm qua, đặc biệt là phân khúc giày thể thao.***

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, sản lượng giày dép da đã tăng từ 218 triệu đôi vào năm 2005 lên 289 triệu đôi vào năm 2020. Mức tăng trưởng mạnh nhất nằm ở phân khúc giày thể thao, theo đó sản lượng đã tăng gấp 3,5 lần từ năm 2005 đến nay.



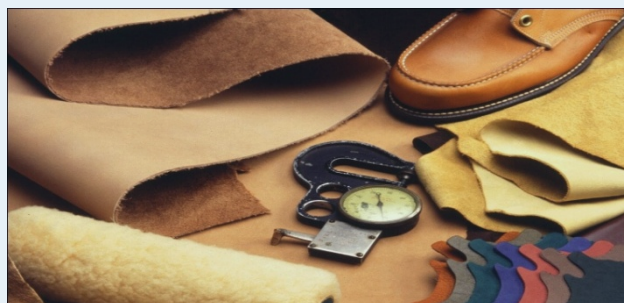
Năm 2021, mặc dù các trung tâm sản xuất giày dép lớn tại khu vực phía Nam đều bị ảnh hưởng bởi đợt giãn cách kéo dài do dịch bệnh Covid-19 nhưng sản lượng giày dép da vẫn đạt 317,8 triệu đôi, tăng gần 10% so với năm 2020. Hai tháng cuối năm, nhiều doanh nghiệp đã nhanh chóng khôi phục hoạt động sản xuất và có các đơn hàng mới, cho thấy tín hiệu khả quan trong năm 2022

Biểu đồ 4: Sản lượng một số sản phẩm giày dép chính của Việt Nam

Nguồn: Tổng cục Thống kê

❖ **Tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm thấp; khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu hạn chế**

Ngành da giày trong nước đang vấp phải khó khăn lớn là tỷ lệ nguồn cung ứng nguyên vật liệu nội địa thấp. Hiện nguyên phụ liệu chiếm tới 68 - 75% trong cơ cấu giá thành sản phẩm giày



dép, nhưng tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm của doanh nghiệp Việt Nam hiện chỉ đạt 40 - 45%, trong đó chủ yếu gồm hai mặt hàng thứ yếu là đế giày và chỉ khâu.

Hiện chỉ có 30 - 40% doanh nghiệp trong ngành da giày tự chủ được nguyên liệu, 60 - 70% còn lại chủ yếu làm gia công. Do đó, giá trị gia tăng của sản phẩm thấp và phụ thuộc nhiều vào nguồn cung cấp từ nước ngoài.

Nguyên liệu quan trọng nhất để sản xuất giày dép là da thuộc và da nhân tạo vẫn đang phải nhập khẩu, chủ yếu từ Trung Quốc (60%), tiếp đến là Hàn Quốc và thị trường Đài Loan. Mỗi năm Việt Nam phải nhập khẩu từ 1,1-1,5 tỷ USD da thuộc cho

sản xuất hàng xuất khẩu. Ngoài ra, doanh nghiệp trong nước cũng chỉ cung ứng được vải cho sản xuất loại giày vải cấp thấp, còn các chủng loại vải cao cấp đều phải nhập khẩu.. Những năm gần đây, việc chủ động nguyên phụ liệu có sự chuyển biến khá tốt khi các doanh nghiệp đã chuyển dần chuỗi cung ứng sản xuất nguyên phụ liệu vào Việt Nam. Tuy nhiên, chỉ thực hiện chủ yếu ở doanh nghiệp lớn; còn doanh nghiệp nhỏ và vừa do hạn chế nguồn lực nên chưa chủ động được nguồn nguyên phụ liệu tại chỗ.

Về khả năng ứng dụng công nghệ, hơn 75% doanh nghiệp da giày Việt Nam là doanh nghiệp vừa và nhỏ, có ít nguồn vốn đầu tư cho công nghệ và tự động hóa. Ngoài ra, Việt Nam đang phải chịu sự cạnh tranh về giá nhân công từ nhiều quốc gia khác như Campuchia, Bangladesh, Ethiopia...

Để sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, Việt Nam cần đẩy mạnh đầu tư cho công nghiệp phụ trợ ngành giày dép. Trong nước hiện cũng đã có một số doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ hỗ trợ sản xuất nguyên, phụ liệu cho ngành da giày như: da thuộc, vải kỹ thuật, phụ kiện làm phom, đế, chất dẻo, keo dán, hóa chất...

III. Thực trạng xuất khẩu mặt hàng của Việt Nam sang EU

❖ Tổng quan xuất khẩu mặt hàng Việt Nam

Với kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng 2 con số trong nhiều năm liền, Việt Nam hiện đứng vị trí thứ 2 thế giới về xuất khẩu giày dép (chỉ sau Trung Quốc). Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu giày dép của Việt Nam liên tục tăng trong giai đoạn 2010 - 2019, từ mức 5,1



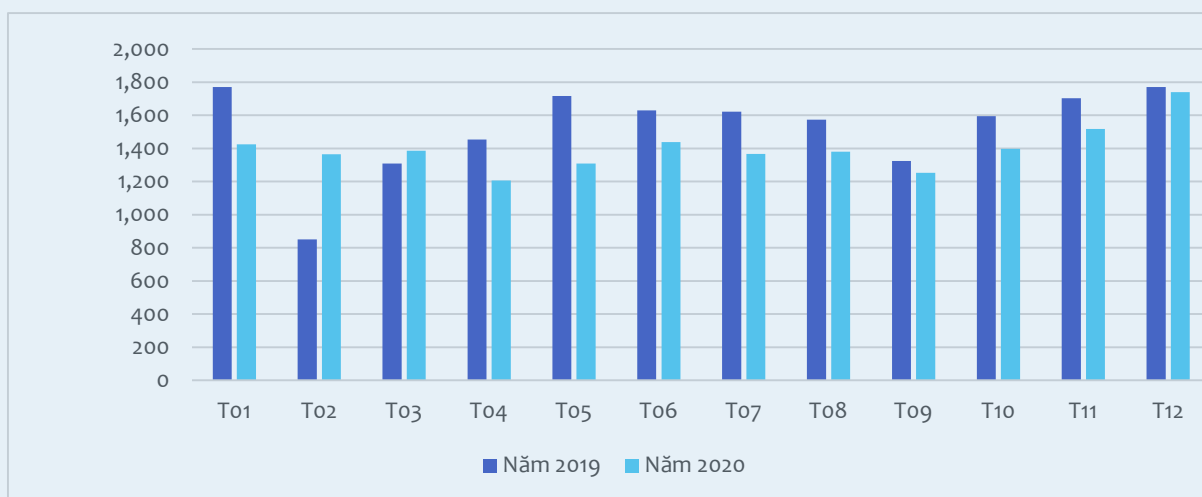
tỷ USD vào năm 2010 gấp hơn 3,5 lần lên 18,3 tỷ USD vào năm 2019. Năm 2020, do

ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 nên thị trường đầu ra của giày dép gặp khó. Kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giày dép của Việt Nam năm 2020 đạt 16,8 tỷ USD, giảm 8,3% so với năm 2019. Theo số liệu sơ bộ của Tổng cục Hải quan, năm 2021, xuất khẩu mặt hàng giày dép các loại của Việt Nam đạt 17,8 tỷ USD, tăng 5,7% so với năm 2020.

Mặc dù đứng thứ hai thế giới về xuất khẩu giày dép nhưng Việt Nam chỉ chiếm khoảng 13,6% tổng kim ngạch xuất khẩu giày dép toàn cầu (năm 2020), trong khi Trung Quốc chiếm hơn 30%, theo tính toán từ ITC.

Biểu đồ 5: Xuất khẩu giày dép Việt Nam qua các tháng năm 2019-2020

ĐVT: triệu USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Sản phẩm giày dép của Việt Nam đã được xuất khẩu tới hơn 100 quốc gia. Các thị trường xuất khẩu chính bao gồm: Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc.

Bảng 5: Xuất khẩu giày dép Việt Nam sang một số thị trường chủ lực năm 2020

STT	Thị trường	Kim ngạch XK năm 2020 (tỷ USD)	Tăng/giảm so với 2019 (%)
1	Hoa Kỳ	6,3	-5,2
2	EU	3,8	-13,7
3	Trung Quốc	2,1	16,3
4	Nhật Bản	0,8	-12,8
5	Hàn Quốc	0,5	-9,3
Tổng		16,8	8,3

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Mặc dù da giày là một trong những ngành có kim ngạch xuất khẩu cao nhất của Việt Nam, nhưng “phần bánh” xuất khẩu lại phần nhiều nằm trong tay các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Các doanh nghiệp này tuy chiếm tỷ trọng nhỏ về số lượng (chỉ hơn 20%) nhưng đóng góp gần 80% kim ngạch xuất khẩu toàn ngành (năm 2020 chiếm 79%).

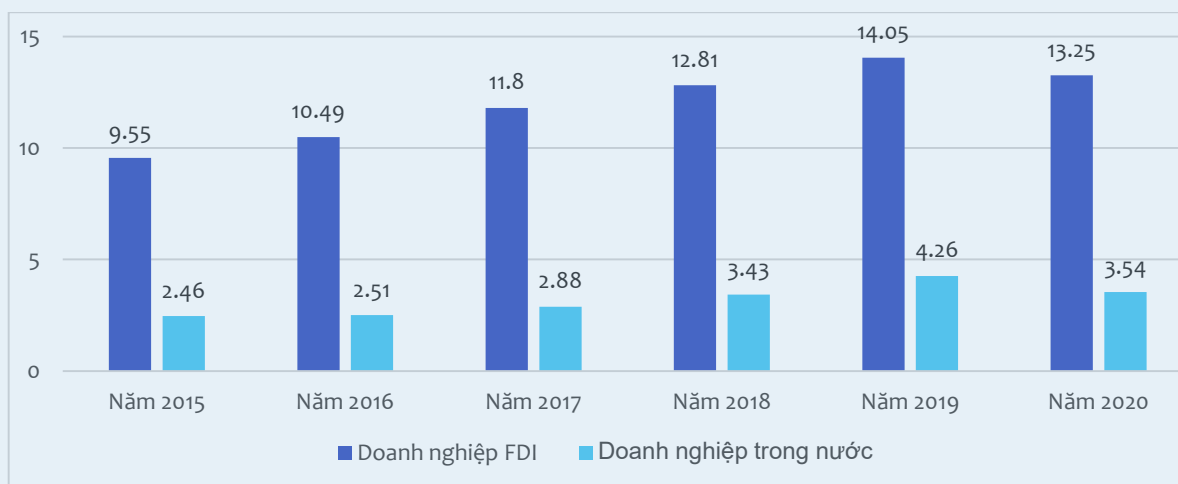
Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước vẫn thấp hơn so với các doanh nghiệp FDI trong phân khúc xuất khẩu. Số lượng nhiều nhưng các doanh nghiệp giày dép trong nước có quy mô thuộc dạng vừa và nhỏ, có số lao động dưới 300 người; số doanh nghiệp từ 1.000 người trở lên chỉ chiếm 6%. Doanh nghiệp FDI chiếm hơn 20% nhưng sử dụng đến 60% số lao động. Trong khi đó, doanh nghiệp Việt Nam chiếm gần 80% nhưng chỉ sử dụng 40% lao động. Quy mô nhỏ, năng suất không cao nên hiệu quả sản xuất, mức lương của doanh nghiệp Việt Nam nhìn chung thấp hơn so doanh nghiệp FDI nên khó thu hút người có tay nghề.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, doanh nghiệp vốn 100% trong nước trong ngành da giày nói chung và giày dép nói riêng cũng đã phát triển. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp trong nước đã mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới công nghệ, tăng cường thiết kế mẫu, tạo ra nhiều sản phẩm phù hợp nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Xuất khẩu giày dép của doanh nghiệp trong nước tăng trưởng mạnh, với tốc độ tăng trưởng trung bình 15,8%/năm trong giai đoạn từ năm 2015 –

2019 (cao hơn tốc độ tăng trưởng trung bình 9,96%/năm của khối doanh nghiệp FDI trong cùng giai đoạn) và ngày càng đóng góp tỷ trọng nhiều hơn vào kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành. Tỷ trọng xuất khẩu của khối doanh nghiệp trong nước đã tăng liên tục trong 4 năm gần đây, từ con số 19,3% tỷ trọng tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành trong năm 2016 đã tăng lên 23,8% tỷ trọng tổng kim ngạch xuất khẩu của toàn ngành giày dép trong năm 2019. Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, kim ngạch xuất khẩu giày dép các loại của doanh nghiệp trong nước giảm 16,8% so với năm 2019, cao hơn mức giảm 5,7% của doanh nghiệp FDI.

Biểu đồ 6: Kim ngạch xuất khẩu giày dép của khối doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2020

ĐVT: tỷ USD



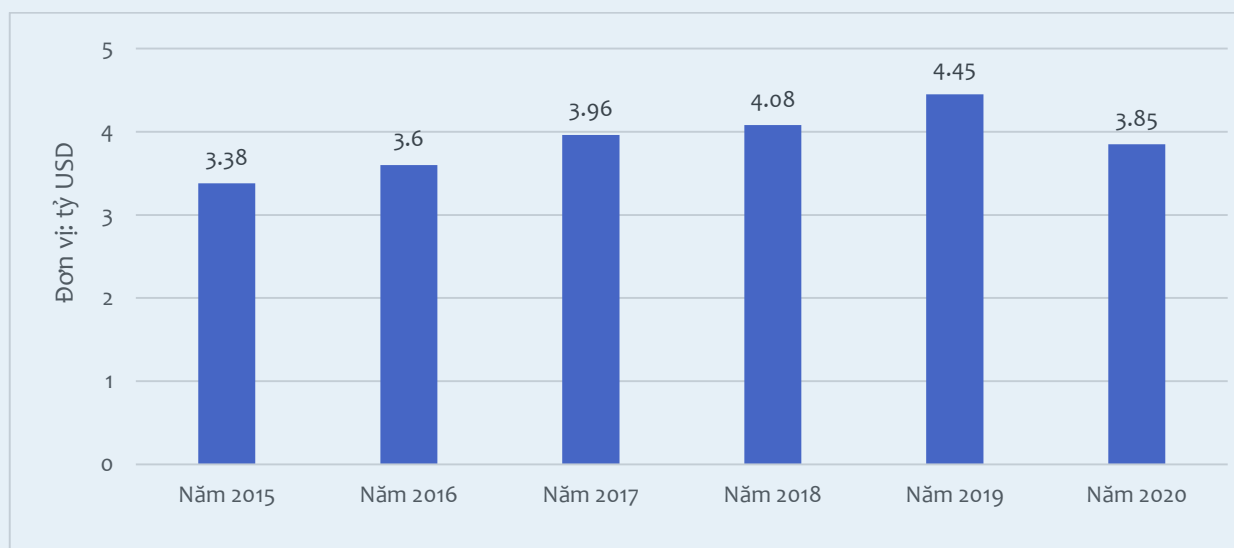
Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

❖ Xuất khẩu mặt hàng sang EU

EU là một trong hai thị trường xuất khẩu giày dép chủ lực của Việt Nam. Từ năm 2015 đến 2019, xuất khẩu giày dép sang EU liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước, ghi nhận tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7,1%/năm.

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, xuất khẩu giày dép các loại sang EU giảm 13,6% so với năm 2019, đạt 3,85 tỷ USD. Tính chung trong giai đoạn 2015 – 2020, xuất khẩu giày dép các loại của Việt Nam sang EU tăng bình quân 2,6%/năm.

Biểu đồ 7: Kim ngạch xuất khẩu giày dép các của Việt Nam sang EU trong giai đoạn 2015 - 2020



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về thị trường

Trong giai đoạn 2015 – 2020, xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang hầu hết thị trường EU đều tăng. Một số thị trường ghi nhận tốc độ giảm như Italia (-6,7%/năm), Tây Ban Nha (-9,0%/năm), Áo (-10,5%/năm), Đan Mạch (-27,6%/năm).

Trong EU, Bỉ và Đức là 2 thị trường nhập khẩu lớn nhất mặt hàng giày dép của Việt Nam. Hiện xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang 2 thị trường này chiếm gần 49% tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang EU. Trong giai đoạn 2015-2020, xuất khẩu giày dép Việt Nam sang thị trường Bỉ đạt tăng trưởng bình quân 6,4%/năm. Xuất khẩu sang Đức ghi nhận mức tăng trưởng bình quân thấp hơn, 4,8%/năm nhưng vẫn cao hơn tốc độ tăng trưởng xuất khẩu sang toàn khối EU (2,6%/năm).

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang hầu hết các thị trường chủ chốt như: Bỉ, Đức, Hà Lan, Pháp, Italia, Tây Ban Nha... giảm. Ngược lại, xuất khẩu sang các thị trường nhỏ có kim ngạch thấp lại tăng, như: Luxembua, Bungari, Litva, Látvia... Đáng chú ý, xuất khẩu sang thị trường Luxembua trong năm 2020 tăng ấn tượng 131,7% và là thị trường đạt tốc độ tăng trưởng mạnh nhất.

Bảng 6: Xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang các thị trường EU trong giai đoạn 2015 – 2020

Thị trường	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2016 (nghìn USD)	Năm 2017 (nghìn USD)	Năm 2018 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Năm 2020 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015 - 2020 (%)
Tổng	3.382.317	3.602.172	3.959.735	4.078.218	4.452.476	3.846.464	2,6
Bỉ	723.453	825.359	907.223	976.933	1.160.839	988.199	6,4
Đức	705.332	764.340	992.476	943.752	1.004.932	891.232	4,8
Hà Lan	533.653	594.992	582.793	639.992	741.892	683.091	5,1
Pháp	417.178	449.897	511.060	488.900	513.238	423.393	0,3
Italia	346.249	335.714	306.885	317.837	308.551	245.337	-6,7
Tây Ban Nha	281.874	266.762	258.114	264.088	234.927	175.527	-9,0
Slovakia	88.993	88.622	97.816	105.174	112.857	94.697	1,3
CH Séc	53.744	45.262	51.280	56.354	80.836	79.847	8,2
Thụy Điển	45.233	43.322	52.612	69.526	71.347	72.098	9,8
Ba Lan	23.798	22.864	31.379	39.611	41.648	38.025	9,8
Slovenia	14.482	13.044	8.629	13.086	29.615	29.767	15,5
Luxembua	2.525	2.052	4.917	16.580	12.522	29.012	62,9
Hy Lạp	27.562	31.932	30.471	29.067	30.442	24.350	-2,4
Phần Lan	14.318	16.522	17.341	21.559	22.265	18.824	5,6
Áo	32.498	34.238	33.535	25.909	25.705	18.642	-10,5
Đan Mạch	53.913	46.570	44.429	33.765	28.923	10.741	-27,6
Ai Len	3.824	3.975	3.241	10.477	10.430	6.215	10,2
Manta	380	5.501	9.269	6.444	4.581	4.261	62,2
Bồ Đào Nha	2.578	1.849	3.065	5.874	5.291	3.022	3,2

Thị trường	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2016 (nghìn USD)	Năm 2017 (nghìn USD)	Năm 2018 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Năm 2020 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015 - 2020 (%)
Bungari	410	1.348	1.639	1.061	1.515	2.688	45,7
Rumani	646	585	1.180	2.940	2.544	1.932	24,5
Hungary	1.953	1.850	1.907	2.485	2.754	1.453	-5,7
Síp	1.698	1.221	1.604	1.552	1.322	1.329	-4,8
Croatia	1.781	2.410	3.742	3.389	2.198	1.289	-6,3
Látvia	556	556	501	751	688	790	7,3
Lítva	80	84	443	601	402	607	49,9
Estonia	3.605	1.300	2.180	511	211	96	-51,6

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về chủng loại

Chủng loại giày dép xuất khẩu sang EU rất đa dạng, tập trung chủ yếu ở 4 nhóm mã HS lần lượt là: HS 640411; HS 640399; HS 640419 và HS 640299. 4 chủng loại này hiện chiếm trên 86% tổng kim ngạch xuất khẩu giày dép sang EU. Trong đó, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu mã HS 640411 tăng mạnh nhất, khi tăng từ mức 24,0% trong năm 2015 lên 31,7% trong năm 2020; liên tiếp từ năm 2016 đến nay, xuất khẩu chủng loại giày dép này đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD.



Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong giai đoạn 2015 – 2020, xuất khẩu cả 4 chủng loại giày dép này sang EU đều tăng trưởng tích cực, với tốc độ tăng trưởng bình quân lần lượt như sau: mã HS 640411 tăng 8,5%/năm; mã HS 640399 tăng 2,3%/năm; HS 640419 tăng 9,7%/năm và HS 640299 tăng 4,4%/năm.

Bảng 7: Chủng loại giày dép xuất khẩu sang EU giai đoạn 2015 – 2020

Mã HS	Mô tả	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Năm 2020 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)
640411	Giày thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày tập và những thứ tương tự, với đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũ giày bằng vật liệu dệt	813.206	1.490.870	1.220.767	8,5
640399	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũ bằng da (không bao gồm mắt cá chân, kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	801.843	1.044.193	896.322	2,3
640419	Giày có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũ giày bằng vật liệu dệt (trừ giày thể thao, bao gồm giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày tập và các loại tương tự, và giày đồ chơi)	455.151	708.891	724.130	9,7
640299	Giày có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm mắt cá chân hoặc có quai trên hoặc dây buộc được lắp vào đế bằng phích cắm, giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	394.218	580.684	489.287	4,4
640391	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũ bằng da, che mắt cá chân (không bao gồm kết hợp kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	317.860	321.583	286.032	-2,1
640291	Giày dép che mắt cá chân, có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	82.970	82.827	70.361	-3,2
640219	Giày thể thao có đế ngoài và mũ cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày	104.798	106.856	59.647	-10,7

Mã HS	Mô tả	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Năm 2020 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)
	trượt tuyết, giày trượt tuyết xuyên quốc gia, giày trượt tuyết và giày trượt có gắn giày trượt băng hoặc giày trượt patin)				
640319	Giày thể thao, có đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và giày da (không bao gồm giày trượt tuyết, giày trượt tuyết xuyên quốc gia, giày trượt tuyết và giày trượt có gắn giày trượt băng)	79.340	51.683	35.754	-14,7
640590	Giày có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa, có mũ giày khác với cao su, nhựa, da hoặc vật liệu dệt; giày dép có đế ngoài bằng da hoặc da tổng hợp, có đế ngoài bằng da hoặc vật liệu dệt; giày dép có đế ngoài bằng gỗ, nút chai, bìa giấy, da thú, nỉ, rơm, xơ mướp, v.v., với mũ giày ngoài da, da tổng hợp hoặc vật liệu dệt, n.e.s.	5.872	11.357	13.150	17,5
640520	Giày dép có mũ bằng vật liệu dệt (không bao gồm đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	4.374	7.675	11.391	21,1
640340	Giày dép, kết hợp một ngón chân kim loại bảo vệ, với đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da (trừ giày thể thao và giày chỉnh hình)	5.110	5.095	6.314	4,3
640220	Giày có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, có dây đai trên hoặc dây buộc được lắp vào đế bằng phích cắm (không bao gồm giày dép đồ chơi)	3.784	4.876	3.605	-1,0
640212	Giày trượt tuyết có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày chống nước thuộc nhóm 6401)	3.580	3.192	2.274	-8,7

Mã HS	Mô tả	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Năm 2020 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)
640359	Giày có đế ngoài và mũi bằng da (không bao gồm mắt cá chân, kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, với mũi giày bao gồm dây da qua mu bàn chân và quanh ngón chân cái, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	334	2.562	1.957	42,4
640192	Giày không thấm nước che mắt cá chân, nhưng không phải đầu gối, có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, đế giày không cố định với đế cũng không được lắp ráp bằng cách khâu, tán đinh, đóng đinh, vắn vít, cắm hoặc các quy trình tương tự (không bao gồm kết hợp một toecap kim loại bảo vệ, giày chỉnh hình, giày thể thao và đồ chơi)	426	1.305	1.804	33,4
640510	Giày có đế bằng da hoặc da tổng hợp (không bao gồm đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũi giày bằng da, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	3.172	4.633	1.126	-18,7
640199	Giày không thấm nước không che mắt cá chân hay đầu gối, có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, đế giày không cố định với đế cũng không được lắp ráp bằng cách khâu, tán đinh, đóng đinh, vắn vít, cắm hoặc các quy trình tương tự (không bao gồm mắt cá chân nhưng không phải đầu gối, giày dép kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, giày chỉnh hình, giày trượt băng có giày trượt băng hoặc giày trượt và giày thể thao và đồ chơi)	243	483	1.100	35,3
640351	Giày có đế ngoài và mũi bằng da, che mắt cá chân (không bao gồm kết hợp với kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	22	130	526	88,8

Mã HS	Mô tả	Năm 2015 (nghìn USD)	Năm 2019 (nghìn USD)	Năm 2020 (nghìn USD)	Tăng trưởng bình quân giai đoạn 2015-2020 (%)
640320	Giày có đế ngoài bằng da, và giày cao gót bao gồm dây da qua mu bàn chân và quanh ngón chân cái	14	118	321	87,0
640420	Giày có đế ngoài bằng da hoặc da tổng hợp và mũ bằng vật liệu dệt (không bao gồm giày đồ chơi)	53	65	213	32,2
640312	Giày trượt tuyết, giày trượt tuyết có đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da	145	25	1	-60,2

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 8: Tỷ trọng kim ngạch các chủng loại giày dép xuất khẩu sang EU

Mã HS	Mô tả	Năm 2015 (%)	Năm 2020 (%)
Tổng		100,00	100,00
640411	Giày thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày tập và những thứ tương tự, với đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũ giày bằng vật liệu dệt	24,04	31,74
640399	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũ bằng da (không bao gồm mắt cá chân, kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	23,71	23,30
640419	Giày có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũ giày bằng vật liệu dệt (trừ giày thể thao, bao gồm giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày tập và các loại tương tự, và giày đồ chơi)	13,46	18,83
640299	Giày có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm mắt cá chân hoặc có quai trên hoặc dây buộc được lắp vào đế bằng phích cắm, giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	11,66	12,72
640391	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũ bằng da, che mắt cá chân (không bao gồm kết hợp kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	9,40	7,44

Mã HS	Mô tả	Năm 2015 (%)	Năm 2020 (%)
640291	Giày dép che mắt cá chân, có đế ngoài và mũi bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	2,45	1,83
640219	Giày thể thao có đế ngoài và mũi cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày trượt tuyết, giày trượt tuyết xuyên quốc gia, giày trượt tuyết và giày trượt có gắn giày trượt băng hoặc giày trượt patin)	3,10	1,55
640319	Giày thể thao, có đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và giày da (không bao gồm giày trượt tuyết, giày trượt tuyết xuyên quốc gia, giày trượt tuyết và giày trượt có gắn giày trượt băng)	2,35	0,93
640590	Giày có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa, có mũi giày khác với cao su, nhựa, da hoặc vật liệu dệt; giày dép có đế ngoài bằng da hoặc da tổng hợp, có đế ngoài bằng da hoặc vật liệu dệt; giày dép có đế ngoài bằng gỗ, nút chai, bìa giấy, da thú, nỉ, rơm, xơ mướp, v.v., với mũi giày ngoài da, da tổng hợp hoặc vật liệu dệt, n.e.s.	0,17	0,34
640520	Giày dép có mũi bằng vật liệu dệt (không bao gồm đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	0,13	0,30
640340	Giày dép, kết hợp một ngón chân kim loại bảo vệ, với đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũi giày bằng da (trừ giày thể thao và giày chỉnh hình)	0,15	0,16
640220	Giày có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, có dây đai trên hoặc dây buộc được lắp vào đế bằng phích cắm (không bao gồm giày dép đồ chơi)	0,11	0,09
640212	Giày trượt tuyết có đế ngoài và mũi bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày chống nước thuộc nhóm 6401)	0,11	0,06
640359	Giày có đế ngoài và mũi bằng da (không bao gồm mắt cá chân, kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, với mũi giày bao gồm dây da qua mu bàn chân và quanh ngón chân cái, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	0,01	0,05
640192	Giày không thấm nước che mắt cá chân, nhưng không phải đầu gối, có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, đế giày không cố định với đế cũng không được lắp ráp bằng cách khâu, tán đinh, đóng đinh, vắn vít, cắm hoặc các quy trình tương tự (không bao gồm kết hợp một toecap kim loại bảo vệ, giày chỉnh hình, giày thể thao và đồ chơi)	0,01	0,05

Mã HS	Mô tả	Năm 2015 (%)	Năm 2020 (%)
640510	Giày có đế bằng da hoặc da tổng hợp (không bao gồm đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	0,09	0,03
640199	Giày không thấm nước không che mắt cá chân hay đầu gối, có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, đế giày không cố định với đế cũng không được lắp ráp bằng cách khâu, tán đinh, đóng đinh, vắn vít, cắm hoặc các quy trình tương tự (không bao gồm mắt cá chân nhưng không phải đầu gối, giày dép kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, giày chỉnh hình, giày trượt băng có giày trượt băng hoặc giày trượt và giày thể thao và đồ chơi)	0,01	0,03
640351	Giày có đế ngoài và mũ bằng da, che mắt cá chân (không bao gồm kết hợp với kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	0,00	0,01
640320	Giày có đế ngoài bằng da, và giày cao gót bao gồm dây da qua mu bàn chân và quanh ngón chân cái	0,00	0,01
640420	Giày có đế ngoài bằng da hoặc da tổng hợp và mũ bằng vật liệu dệt (không bao gồm giày đồ chơi)	0,00	0,01
640312	Giày trượt tuyết, giày trượt tuyết có đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da	0,00	0,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

❖ Thị phần mặt hàng của Việt Nam tại EU

Việt Nam nằm trong nhóm những thị trường xuất khẩu giày dép vào EU đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD/năm và đứng vị trí thứ 4 trong số các nhà cung ứng giày dép cho EU, chiếm tỷ trọng khoảng 7,6% trong tổng nhập khẩu giày dép của thị trường này.

Theo số liệu của ITC, trong giai đoạn 2015-2019, nhập khẩu giày dép các loại của EU từ Việt Nam tăng bình quân 6,7%/năm. Năm 2020, cũng giống như nhiều thị trường cung cấp khác, nhập khẩu giày dép các loại từ Việt Nam vào EU giảm 13,0% so với năm 2019, đạt 4,18 tỷ USD. Trong bối cảnh dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn đến nhu cầu tiêu thụ giày dép của EU, thì giày dép nhập khẩu từ Việt Nam vẫn duy trì được thị phần tại thị trường này là kết quả đáng khích lệ; trong khi thị phần giày

dép của các nguồn cung ứng khác tại EU giảm: Trung Quốc giảm 1,45 điểm phần trăm; Ấn Độ giảm 0,3 điểm phần trăm...

Nếu xét riêng các thị trường ngoài khối EU, thì Việt Nam chỉ đứng sau Trung Quốc trong các thị trường cung cấp giày dép cho EU. Trong giai đoạn 2015 – 2020, tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu từ Việt Nam có xu hướng tăng qua các năm: năm 2015, nhập khẩu



giày dép của EU từ Việt Nam chiếm 17,2% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này từ các thị trường ngoại khối; năm 2017 tăng lên mức 18,7% và 19,7% năm 2020.

Qua các số liệu phân tích có thể thấy, nhu cầu nhập khẩu giày dép trên thế giới nói chung và thị trường EU nói riêng rất lớn và đa dạng. Việc thị phần giày dép của Trung Quốc đang giảm dần tại EU trong khi thị phần giày dép của Việt Nam ngày càng gia tăng cho thấy cơ hội dành cho các doanh nghiệp giày dép Việt Nam tăng cường xuất khẩu sang thị trường có quy mô lớn, nhu cầu cao như EU, đặc biệt trong bối cảnh các nước đẩy mạnh đa dạng hóa nguồn cung. Tuy nhiên, EU cũng là một thị trường có yêu cầu rất cao với chất lượng sản phẩm, cùng các quy định nhập khẩu và tiêu chuẩn kỹ thuật hết sức chặt chẽ; đồng thời các công cụ phòng vệ thương mại được áp dụng thường xuyên. Các vấn đề về môi trường, lao động, phát triển bền vững, trách nhiệm xã hội cũng ngày càng được chú trọng. Ngay cả khi Việt Nam có Hiệp định Thương mại tự do (FTA) với EU thì việc có thể thâm nhập và mở rộng thị phần tại EU còn phụ thuộc vào năng lực cạnh tranh về chất lượng và giá cả, trong đó trước tiên cần đáp ứng được các tiêu chuẩn, kỹ thuật và quy định về xuất xứ hàng hóa để hưởng ưu đãi thuế quan từ EVFTA.

IV. Các nội dung cam kết liên quan trong Hiệp định EVFTA

❖ Cam kết về thuế quan

Lộ trình xóa bỏ thuế quan đối với mặt hàng giày dép theo EVFTA được thực hiện theo 4 giai đoạn:

- A: Thuế cơ sở (Tối huệ quốc - MFN) được xóa bỏ ngay khi hiệp định có hiệu lực;
- B3: Thuế cơ sở được xóa bỏ sau 4 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực;
- B5: Thuế cơ sở được xóa bỏ sau 6 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định;
- B7: Thuế cơ sở được xóa bỏ sau 8 lần cắt giảm đều, mỗi năm một lần, bắt đầu từ năm Hiệp định có hiệu lực;

Cam kết về thuế quan đối với mặt hàng giày dép trong EVFTA được nêu tại:

- Lời văn của chương 2: Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa: Phần này bao gồm các quy tắc chung liên quan tới thuế quan, áp dụng chung cho cả EU và Việt Nam

- Các phụ lục 2-A của chương 2 – Cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan, trong đó:

- Tiểu phụ lục 2-A-1: Biểu thuế nhập khẩu của EU
- Tiểu phụ lục 2-A-2: Biểu thuế của Việt Nam

Theo đó, EU cam kết dành ưu đãi thuế nhập khẩu cho mặt hàng giày dép Việt Nam như sau:

- Nhóm loại bỏ thuế nhập khẩu ngay khi hiệp định có hiệu lực: 37% số dòng thuế giày dép (gồm các loại giày chống thấm cao su/nhựa, dép lê và dép đi trong nhà,

nguyên phụ liệu da giày...). Tuy nhiên, đây là các sản phẩm giày dép ít được gia công hoặc xuất khẩu sang EU, do đó Việt Nam sẽ hưởng lợi ít về nhóm này.

- Số còn lại sẽ được xóa bỏ thuế nhập khẩu theo lộ trình B3, B5, B7 (phần lớn các loại giày dép mà Việt Nam có thể mạnh xuất khẩu thuộc nhóm này):

+ Hiện tại nhóm này đang được hưởng mức thuế ưu đãi giảm trung bình 3,5% theo Quy chế ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP) đến tháng 8 năm 2022.

+ 02 năm sau khi EVFTA có hiệu lực GSP sẽ tự động chấm dứt, trong khi các mức thuế nhập khẩu đối với giày dép theo hiệp định EVFTA sẽ giảm dần về 0% theo lộ trình 3–7 năm, tính từ mức thuế cơ sở. Theo đó, các doanh nghiệp có thể cân nhắc tiếp tục sử dụng GSP để lựa chọn ưu đãi thuế có lợi hơn đối với từng mặt hàng cụ thể.

Bảng 9: Lộ trình cắt giảm thuế quan của EU với nhập khẩu giày dép Việt Nam

HS 64	Mô tả	Thuế MFN của EU	Lộ trình xóa bỏ thuế quan
6401	Giày bảo hộ, cao su hoặc nhựa	17%	A
6402	Giày có mũ và đế giày bằng cao su hoặc nhựa	16,8 - 17%	A
6403	Giày da, có đế nhựa, cao su, da.	5-8%	A-B3-B5-B7
	Trừ các mã sau		
6404	Giày vải, đế da, nhựa, cao su	16,9 - 17%	A - B3
6405	Giày dép khác	4 - 17%	A - B5
6406	Phụ kiện giày dép	3%	A

Bảng 10: Biểu thuế của EU theo Hiệp định EVFTA đối với giày dép nhập khẩu từ Việt Nam

MÃ HS	Biểu thuế Cơ sở	Biểu thuế GSP đến 31/07/2023	Lộ trình cắt giảm thuế quan của EU theo EVFTA (tính trên mức thuế cơ sở)								
			Lộ trình EVFTA	Năm 1 1/8/20 - 31/7/21	Năm 2 1/8/21 - 31/7/22	Năm 3 1/8/22 - 31/7/23	Năm 4 1/8/23 - 31/7/24	Năm 5 1/8/24 - 31/7/25	Năm 6 1/8/25 - 31/7/26	Năm 7 1/8/26 - 31/7/27	Từ 1/8/2027
6403											
6403 12	8.0	4.5	B3	6	4	2	0	0	0	0	0
6403 19	8.0	4.5	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6403 20	8.0	4.5	B3	6	4	2	0	0	0	0	0

MÃ HS	Biểu thuế Cơ sở	Biểu thuế GSP đến 31/07/2023	Lộ trình cắt giảm thuế quan của EU theo EVFTA (tính trên mức thuế cơ sở)								
			Lộ trình EVFTA	Năm 1 1/8/20 - 31/7/21	Năm 2 1/8/21 - 31/7/22	Năm 3 1/8/22 - 31/7/23	Năm 4 1/8/23 - 31/7/24	Năm 5 1/8/24 - 31/7/25	Năm 6 1/8/25 - 31/7/26	Năm 7 1/8/26 - 31/7/27	Từ 1/8/2027
6403 40	8.0	4.5	B3	6	4	2	0	0	0	0	0
6403 51 05 10	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 51 05 90	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 51 11	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 51 15	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 51 19	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 51 91	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 51 95	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 51 99	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 59 05 10	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 59 05 90	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 59 11	5.0	1.5	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6403 59 31	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 59 35	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 59 39	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 59 50	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 59 91	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 59 95	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 59 99	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 91 05 10	8.0	4.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 91 05 90	8.0	4.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 91 11	8.0	4.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 91 13 A	8.0	4.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 91 13 B	8.0	4.5	B3 (PL1)	6	4	2	0	0	0	0	0
6403 91 16 A	8.0	4.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 91 16 B	8.0	4.5	B3 (PL1)	6	4	2	0	0	0	0	0
6403 91 18 A	8.0	4.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 91 18 B	8.0	4.5	B3 (PL1)	6	4	2	0	0	0	0	0
6403 91 91	8.0	4.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 91 93	8.0	4.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 91 96	8.0	4.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 91 98	5.1	1.5	B5	6.67	5.34	4.01	2.68	1.35	0	0	0
6403 99 05 10	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 99 05 90	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 99 11	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 99 31	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 99 33	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0

MÃ HS	Biểu thuế Cơ sở	Biểu thuế GSP đến 31/07/2023	Lộ trình cắt giảm thuế quan của EU theo EVFTA (tính trên mức thuế cơ sở)								
			Lộ trình EVFTA	Năm 1 1/8/20 - 31/7/21	Năm 2 1/8/21 - 31/7/22	Năm 3 1/8/22 - 31/7/23	Năm 4 1/8/23 - 31/7/24	Năm 5 1/8/24 - 31/7/25	Năm 6 1/8/25 - 31/7/26	Năm 7 1/8/26 - 31/7/27	Từ 1/8/2027
6403 99 36	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 99 38	5.0	1.5	B7	4.375	3.75	3.125	2.5	1.875	1.25	0.625	0
6403 99 50	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 99 91 A	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 99 91 B	8.0	4.5	B3 (PL1)	6	4	2	0	0	0	0	0
6403 99 93 A	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 99 93 B	8.0	4.5	B3 (PL1)	6	4	2	0	0	0	0	0
6403 99 96 A	8.0	4.5	B7	7	6	5	4	3	2	1	0
6403 99 96 B	8.0	4.5	B3 (PL1)	6	4	2	0	0	0	0	0
6403 99 98 A	7.0	3.5	B7	6.125	5.25	4.375	3.5	2.625	1.75	0.875	0
6403 99 98 B	7.0	3.5	B3 (PL1)	5.25	3.5	1.75	0	0	0	0	0
6404											
6404 11	16.9	11.9	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6404 19 10	16.9	11.9	B3	12.675	8.45	4.225	0	0	0	0	0
6404 19 90	16.9	11.9	B3	12.675	8.45	4.225	0	0	0	0	0
6404 20 10	17.0	11.9	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6404 20 90	17.0	11.9	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6405											
6405 10	3.5	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6405 20 10	3.5	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6405 20 91	4.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6405 20 99	4.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6405 90 10	17.0	11.9	B5	14.166	11.333	8.5	5.667	2.834	0	0	0
6405 90 90	4.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406											
6406 10 10 10	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 10 10 90	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 10 90 10	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 10 90 90	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 20 10 10	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 20 10 90	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 20 90 10	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 20 90 90	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0

MÃ HS	Biểu thuế Cơ sở	Biểu thuế GSP đến 31/07/2023	Lộ trình cắt giảm thuế quan của EU theo EVFTA (tính trên mức thuế cơ sở)								
			Lộ trình EVFTA	Năm 1 1/8/20 - 31/7/21	Năm 2 1/8/21 - 31/7/22	Năm 3 1/8/22 - 31/7/23	Năm 4 1/8/23 - 31/7/24	Năm 5 1/8/24 - 31/7/25	Năm 6 1/8/25 - 31/7/26	Năm 7 1/8/26 - 31/7/27	Từ 1/8/2027
6406 90 30 10	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 90 30 90	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 90 50 10	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 90 50 90	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 90 60 10	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 90 60 90	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 90 90 10	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 90 90 20	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0
6406 90 90 90	3.0	0	A	0	0	0	0	0	0	0	0

❖ Cam kết về quy tắc xuất xứ

Quy tắc xuất xứ đối với sản phẩm giày dép tuân thủ các quy định tại Chương 4 (quy tắc chung) và Phụ lục 4a (quy tắc riêng đối với từng nhóm hàng hóa).

Cụ thể, đối với sản phẩm giày dép, quy tắc xuất xứ áp dụng đối với trường hợp có một phần nguyên liệu không xuất xứ như sau:

- Đối với tất cả các sản phẩm thuộc Chương 64 (giày, dép, ghệt, ủng, các sản phẩm tương tự, các bộ phận của các sản phẩm này) trừ sản phẩm mã 6406: Được sử dụng nguyên liệu từ bất kỳ Nhóm nào để sản xuất, ngoại trừ mũ giày đã gắn với đế lót trong hoặc với bộ phận đế khác thuộc Nhóm 6406.

- Đối với sản phẩm thuộc mã 6406 (các bộ phận của giày, dép): Được sản xuất từ tất cả các loại nguyên liệu ở bất kỳ mã HS nào ngoại trừ chính mã HS của sản phẩm đó.

❖ Cam kết về chứng nhận xuất xứ

Quy định về thủ tục chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong EVFTA được áp dụng chung cho tất cả các loại hàng hóa, trong đó có mặt hàng giày dép.

EVFTA quy định **02 loại thủ tục chứng nhận xuất xứ** khác nhau, gồm:

- **Thủ tục cấp giấy chứng nhận xuất xứ:** Cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp Giấy chứng nhận xuất xứ dựa trên các giấy tờ mà nhà xuất khẩu xuất trình.
- **Thủ tục tự chứng nhận xuất xứ:** Nhà xuất khẩu tự phát hành chứng nhận xuất xứ cho hàng hóa của mình.

EVFTA chỉ cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ. Mô hình tự chứng nhận xuất xứ trong EVFTA dựa trên thông lệ cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ mà EU hiện đang áp dụng.

Cụ thể, cơ chế tự chứng nhận xuất xứ của nhà xuất khẩu của EVFTA cho phép nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ trên hóa đơn, phiếu giao hàng hay bất kỳ chứng từ thương mại nào, thay vì phải xin giấy chứng nhận xuất xứ từ các cơ quan chức năng.

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam, Việt Nam áp dụng cả cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ và tự chứng nhận xuất xứ, cụ thể:

- **Với lô hàng có trị giá không vượt quá 6.000 euro**, bất kỳ nhà xuất khẩu nào của Việt Nam cũng có thể tự chứng nhận xuất xứ.
- **Với lô hàng có trị giá trên 6.000 euro**, Việt Nam bảo lưu vẫn tiếp tục áp dụng cơ chế chứng nhận xuất xứ truyền thống.

Cụ thể, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ cho nhà xuất khẩu sau khi xác nhận các giấy tờ chứng minh mà nhà xuất khẩu xuất trình - đối với EVFTA Giấy chứng nhận xuất xứ là Mẫu EUR.1.

Việt Nam có thể lựa chọn áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ khi nào thấy thích hợp và sẽ thông báo cho phía EU trước khi thực hiện cơ chế này.

Doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ **Thông tư số 11/2020/TT-BCT**¹ của Bộ Công Thương quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định EVFTA và hỗ trợ thương nhân xuất khẩu hàng hóa nhằm tận dụng ưu đãi EVFTA.

Như vậy, đối với các lô hàng có giá trị không vượt quá 6.000 euro xuất khẩu đi EU theo diện hưởng ưu đãi thuế quan EVFTA, bất kỳ nhà xuất khẩu nào của Việt Nam cũng đều có thể tự chứng nhận xuất xứ. Còn đối với các lô hàng có giá trị trên 6.000 euro thì hiện tại Việt Nam vẫn áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất xứ, theo đó nhà xuất khẩu phải xin giấy chứng nhận xuất xứ (mẫu EUR.1) tại cơ quan có thẩm quyền (Bộ Công Thương và các đơn vị do Bộ Công Thương ủy quyền).

Cơ chế chứng nhận xuất xứ mà Việt Nam áp dụng cho EVFTA

Theo EVFTA và quy định của EU, trong khoảng thời gian 2 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực (01/08/2020), doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sang EU vẫn có thể lựa chọn áp dụng thuế ưu đãi theo EVFTA hoặc thuế ưu đãi theo GSP với điều kiện áp dụng ưu đãi loại nào thì phải tuân thủ QTXX của loại đó và theo thủ tục chứng nhận xuất xứ tương ứng. Cụ thể:

- Nếu muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế suất ưu đãi EVFTA thì nhà xuất khẩu Việt Nam phải xin **C/O mẫu EUR.1** tại các đơn vị của Bộ Công Thương;
- Nếu muốn hàng xuất khẩu hưởng thuế ưu đãi GSP thì nhà xuất khẩu Việt Nam phải chứng nhận xuất xứ theo cơ chế của GSP mà hiện tại đang chuyển sang hình thức tự chứng nhận xuất xứ bằng cách đăng ký mã số REX.

¹

http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=200377

Giấy chứng nhận xuất xứ cho hàng Việt Nam xuất khẩu sang EU

Mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ EVFTA

Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) EVFTA có mẫu EUR.1, theo quy định trong EVFTA, mẫu này áp dụng chung cho cả hàng hóa xuất khẩu từ EU và Việt Nam. Tuy nhiên, do EU không áp dụng cơ chế cấp chứng nhận xuất xứ bởi cơ quan có thẩm quyền, mà áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ bởi nhà xuất khẩu có đăng ký (hệ thống REX), mẫu EUR.1 trên thực tế chỉ áp dụng đối với hàng xuất khẩu từ Việt Nam đi EU.

Mẫu EUR.1 được quy định tại Phụ lục VII, Nghị định thư 1 EVFTA. Thông tin khai báo trên mẫu EUR.1 được cho là đơn giản hơn so với mẫu C/O trong các FTA mà Việt Nam đã ký kết:

- Một số thông tin nhà xuất khẩu được phép lựa chọn khai báo hoặc không khai báo trên C/O mẫu EUR.1 (ví dụ nhà nhập khẩu, hành trình lô hàng, số hóa đơn thương mại...);
- Một số thông tin không bắt buộc thể hiện trên mẫu EUR.1 (như tiêu chí xuất xứ, mã số HS của hàng hóa...). Đây là một điểm khác so với các mẫu C/O theo các FTA khác của Việt Nam (các FTA này đều yêu cầu khai mã HS và tiêu chí xuất xứ của hàng hóa).

Thời hạn hiệu lực của C/O EUR.1 là 12 tháng kể từ ngày phát hành.

Thời điểm cấp C/O mẫu EUR.1

Đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam sang EU, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ cấp C/O mẫu EUR.1 sớm nhất có thể từ ngày xuất khẩu hàng hóa (ngày tàu chạy theo kê khai) và không quá ba ngày làm việc kể từ sau ngày này.

Giấy Chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thể được cấp sau khi xuất khẩu nhưng chỉ trong một số trường hợp như quy định cụ thể tại Điều 17 Nghị định thư. Giấy này có thể được cấp lại trong trường hợp bị mất, thất lạc hoặc hư hỏng

Thời điểm nộp C/O

EVFTA không có quy định cụ thể về thời điểm nộp C/O EVFTA, mà cho phép từng Bên (Việt Nam/EU) quy định hợp theo pháp luật của mình. Đối với hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang EU: EU cho phép nộp C/O cho cơ quan hải quan của EU để hưởng ưu đãi thuế quan sau thời điểm nhập khẩu hàng hóa vào EU. Theo thông tin từ phía EU thì thời hạn cho phép nộp sau này ít nhất là 2 năm.

Phụ lục VIII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ EUR 1

(ban hành kèm theo Thông tư số...../TT-BCT ngày ...tháng ...năm 2020 của Bộ Công Thương quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp địnhEVFTA)

MOVEMENT CERTIFICATE			
1. Exporter (Name, full address, country)	EUR.1 No		
	See notes overleaf before completing this form.		
	2. Certificate used in preferential trade between European Union and Socialist Republic of Viet Nam		
3. Consignee (Name, full address, country) (Optional)	4. Country, group of countries or territory in which the products are considered as originating	5. Country, group of countries or territory of destination	
6. Transport details (Optional)	7. Remarks		
8. Item number; Marks and numbers; Number and kind of packages ⁽¹⁾ ; Description of goods		9. Gross mass (kg) or other measure (litres, m ³ , etc.)	10. Invoices (Optional)
⁽¹⁾ If goods are not packed, indicate number of articles or state "in bulk" as appropriate.			
11. CUSTOMS OFFICE (EU) or ISSUING AUTHORITIES (VN) ENDORSEMENT <i>Declaration certified</i> Export document ⁽²⁾ Form No Of Customs office/Issuing authority Issuing country or territory Stamp Place and date (Signature)		12. DECLARATION BY THE EXPORTER I, the undersigned, declare that the goods described above meet the conditions required for the issue of this certificate. Place and date (Signature)	
⁽²⁾ Complete only where the regulations of the exporting country or territory require.			

❖ Cam kết về hàng rào kỹ thuật (TBT)

EVFTA chủ yếu bao gồm các cam kết chung hợp tác, minh bạch hóa trong lĩnh vực hàng rào kỹ thuật (TBT). Về cơ bản, khi EVFTA có hiệu lực, EU và Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục chủ động trong việc áp dụng các biện pháp TBT

Technical Barriers to International Trade		
Country A		Country B
Technical Regulations	C U S T O M S	Technical Regulations
Standards		Standards
Testing, Calibration Inspection		Testing, Calibration Inspection
Certification		Certification
Packaging		Packaging
Labelling		Labelling
Other requirements		Other requirements

đối với hàng nhập khẩu như hiện tại. Doanh nghiệp xuất khẩu vẫn sẽ phải tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của bên nhập khẩu như trước đây.

❖ Cam kết chung về sở hữu trí tuệ (SHTT)

Các cam kết EVFTA về thực thi SHTT đáng chú ý là các cam kết liên quan đến việc thực thi các biện pháp dân sự. So với pháp luật Việt Nam, EVFTA có một số cam kết mới như sau:

Về các biện pháp khẩn cấp tạm thời áp dụng để ngăn chặn kịp thời hành vi xâm phạm: EVFTA đòi hỏi phải cho chủ sở hữu quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp này vào bất kỳ thời điểm nào (chứ không chỉ là khi hoặc sau khi đã khởi kiện vụ việc dân sự tại Tòa án), thậm chí trong trường hợp nghiêm trọng có thể áp dụng mà không cần thông báo cho bên bị áp dụng biện pháp; EVFTA cũng mở rộng các tình huống/trường hợp cho phép yêu cầu biện pháp tạm thời;

Về nghĩa vụ cung cấp bằng chứng chứng minh xâm phạm: EVFTA có quy định cụ thể về các trường hợp Tòa án được quyền yêu cầu bên bị đơn cung cấp các bằng chứng xâm phạm mà mình đang kiểm soát; thậm chí với các hành vi xâm phạm ở quy mô thương mại, theo yêu cầu của một bên, Tòa án còn có quyền yêu cầu bên kia cung cấp tài liệu giao dịch ngân hàng, tài chính hoặc thương mại thuộc kiểm soát của bên kia (với điều kiện thông tin bí mật kinh doanh phải được bảo vệ);

Về quyền yêu cầu cung cấp thông tin: EVFTA yêu cầu Tòa án có quyền yêu cầu người xâm phạm, người bị nghi ngờ xâm phạm, hoặc bất kỳ người nào khác, phải cung cấp thông tin mà người đó đang nắm giữ hoặc kiểm soát (kể cả đối với các tổ chức, cá nhân không trực tiếp xâm phạm, ví dụ người làm dịch vụ lưu giữ, vận chuyển, quản lý hàng hóa xâm phạm...). Thông tin phải cung cấp có thể là thông tin liên quan tới người xâm phạm, tới phương tiện sản xuất, phân phối hàng hóa, dịch vụ xâm phạm;

Về quyền của Tòa án với các hành vi xâm phạm sau phán quyết: EVFTA yêu cầu Tòa án, sau khi đã có phán quyết xác định một hành vi là xâm phạm SHTT, phải được trao quyền ban hành các lệnh cấm đối với các hành vi xâm phạm tương tự sau đó với người xâm phạm và cả người cung cấp dịch vụ cho người xâm phạm (trong khi theo pháp luật hiện hành thì Tòa án sẽ phải xét xử lại từng hành vi này và ban hành lệnh cưỡng chế sau khi xét xử);

Về các biện pháp xử lý thay thế: EVFTA khuyến nghị Việt Nam cho phép áp dụng biện pháp bồi thường bằng tiền để thay thế cho các biện pháp chế tài khác (hành chính, hình sự...) nếu xâm phạm là không cố ý, do sơ suất và khoản bồi thường là thỏa đáng;

Về việc xác định thiệt hại làm cơ sở để bồi thường: EVFTA khuyến khích phân biệt cách xác định thiệt hại trong trường hợp người xâm phạm biết hoặc có cơ sở để biết về việc mình đang xâm phạm và trường hợp người xâm phạm không biết rằng mình đang xâm phạm (hiện Việt Nam chưa phân biệt hai trường hợp này); có thể xác định khoản bồi thường là một khoản cố định nếu thích hợp;

Về nguyên tắc suy đoán chủ thể quyền tác giả trong tố tụng về SHTT: EVFTA đặt ra quy tắc về suy đoán quyền, theo đó trừ khi có chứng cứ ngược lại, người có tên trên tác phẩm sẽ được suy đoán là tác giả;

Về sự tham gia của cơ quan hải quan trong thực thi quyền SHTT tại biên giới: EVFTA yêu cầu cơ quan hải quan phải (i) tham gia tích cực vào việc ngăn chặn xâm phạm SHTT (chủ động sử dụng kỹ thuật phân tích rủi ro để phát hiện, xác định hàng hóa xuất nhập khẩu xâm phạm SHTT, dừng thông quan hàng hóa nghi ngờ xâm phạm...), (ii) hợp tác với chủ sở hữu quyền để thực hiện thực thi quyền SHTT tại biên giới (cho phép cung cấp thông tin để phân tích rủi ro).

Khi EVFTA có hiệu lực, cùng với CPTPP, hệ thống pháp luật về thực thi SHTT của Việt Nam sẽ buộc phải thay đổi theo các cam kết trong hai FTA này, với những yêu cầu chi tiết và cụ thể trong quá trình thực thi. Do đó, doanh nghiệp và người dân sử dụng các sản phẩm được bảo hộ SHTT cần thay đổi nhận thức và hành vi tương ứng, để tránh việc vi phạm và chịu hình thức xử phạt về SHTT.

❖ Cam kết chung về phát triển bền vững

Trong EVFTA, vấn đề phát triển bền vững được đưa vào thành một Chương riêng, **Chương 13 - Thương mại và phát triển bền vững**. Các khía cạnh phát triển bền vững mà EVFTA có cam kết trong Chương 13 gồm:

- Lao động;
- Môi trường (trong đó có biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, quản lý rừng bền vững, quản lý nguồn tài nguyên sinh vật biển...);
- Các khía cạnh khác liên quan (ví dụ năng lượng tái tạo, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, bảo trợ xã hội đối với các nhóm yếu thế...).

Về phạm vi, trong so sánh với CPTPP, các cam kết về phát triển bền vững của EVFTA được đánh giá là rộng hơn, bao trùm nhiều vấn đề hơn.

Về nội dung, các cam kết EVFTA về phát triển bền vững không bao gồm các tiêu chuẩn chi tiết, cụ thể mà chủ yếu là các cam kết chung về nguyên tắc ràng buộc về hướng phát triển và cam kết có tính khuyến nghị.

Cam kết về pháp luật nội địa liên quan đến phát triển bền vững

EVFTA không đặt ra các tiêu chuẩn cụ thể mà pháp luật nội địa phải quy định về môi trường, lao động hay các vấn đề phát triển bền vững khác mà các bên phải tuân thủ. Ngược lại, EVFTA vẫn ghi nhận quyền của mỗi Bên trong việc:

- Quyết định các mục tiêu, chiến lược, chính sách và ưu tiên phát triển bền vững của mình;
- Thiết lập mức độ bảo vệ môi trường, xã hội phù hợp với bối cảnh của mình.

Tuy nhiên, trong quá trình ban hành và thực thi chính sách, pháp luật về phát triển bền vững, Việt Nam và EU cũng phải bảo đảm:

- Phù hợp với các tiêu chuẩn đã được quốc tế công nhận, và các hiệp định về lao động, môi trường mà mình là thành viên;
- Quy định và khuyến khích mức độ bảo vệ cao về môi trường và xã hội, đồng thời tiếp tục nỗ lực cải thiện các quy định luật pháp và chính sách đó.

Về mức độ bảo hộ về môi trường và lao động, EVFTA có những yêu cầu nhất định đối với cách thức ban hành và thực thi các chính sách, pháp luật môi trường và lao động nội địa. Cụ thể, EVFTA yêu cầu Việt Nam và EU:

- Không làm suy yếu (giảm) mức độ bảo vệ môi trường và lao động theo cách gây bất lợi cho mục tiêu của Chương này;
- Không khuyến khích thương mại và đầu tư thông qua việc làm suy yếu mức độ bảo vệ luật pháp môi trường và lao động nội địa;
- Không giảm nhẹ hiệu lực pháp lý hoặc miễn trừ các quy định luật pháp về môi trường và lao động theo cách làm ảnh hưởng đến thương mại và đầu tư giữa Việt Nam và EU nhưng cũng không được bỏ qua việc thực thi hiệu quả pháp luật môi trường và lao động để khuyến khích thương mại và đầu tư;
- Không áp dụng pháp luật môi trường và lao động một cách phân biệt đối xử tùy tiện và vô lý hoặc để hạn chế thương mại một cách trá hình.

V. Thông tin chính sách, quy định liên quan của EU

❖ Quy định về an toàn sản phẩm

Mọi sản phẩm lưu hành tại châu Âu phải đảm bảo tuân thủ các quy định trong Chỉ thị chung về An toàn sản phẩm (Product Safety Directive) số 2001/95/EC², ngày 03/12/2001.

Một số sản phẩm giày dép cụ thể có áp dụng các yêu cầu an toàn riêng. Nếu sản phẩm của doanh nghiệp bị coi là không an toàn sẽ bị từ chối hoặc rút khỏi thị trường châu Âu.

❖ Quy định REACH

REACH (Registration, Evaluation, Authorisation and Restriction of Chemicals) là quy định về an toàn của Liên minh châu Âu liên quan đến thủ tục đăng ký, đánh giá, cấp phép và hạn chế sử dụng các loại hóa chất; trong đó có liên quan đến sản phẩm giày dép.



Châu Âu áp dụng Quy định pháp lý phổ biến nhất cho các sản phẩm giày dép xuất khẩu sang EU - Quy định REACH (EC) số 1907/2006 ngày 18/12/2006, cập nhật ngày 01/10/2021.

REACH đảm bảo an toàn sức khỏe cho con người và môi trường ở mức cao bằng cách áp dụng các phương pháp đánh giá độ nguy hại của các chất mà không ảnh hưởng đến lưu thông hóa chất trong thị trường EU. Các tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất phải đảm bảo các hóa chất đó không gây hại cho con người và môi trường.

Để đáp ứng được các yêu cầu về REACH, các doanh nghiệp có hàng hóa xuất khẩu vào EU phải nâng cấp hệ thống quản lý đối với các chất hóa học trong sản

² Chỉ thị chung về An toàn Sản phẩm (General product safety directive - GPSD) 2001/95/EC:
<http://data.europa.eu/eli/dir/2001/95/2010-01-01>

xuất. Theo quy định này thì bắt buộc các nhà sản xuất và nhập khẩu phải đăng ký tất cả các chất họ sản xuất hay nhập khẩu vào EU với số lượng trên 1 tấn/ năm. Thủ tục đăng ký này tại Cơ quan Quản lý Hóa chất châu Âu (European Chemicals Agency - ECHA).

Danh sách các chất hoá học bị cấm sử dụng bởi REACH:
<https://echa.europa.eu/substances-restricted-under-reach>

Quy định này hạn chế việc sử dụng nhiều loại hóa chất trong ngành giày dép. Tại một số nước EU có quy định quốc gia bổ sung về các hóa chất cụ thể. Ví dụ: Áo, Phần Lan, Đức, Na Uy và Hà Lan có các quy định cụ thể đối với formaldehyde; Áo, Đan Mạch, Đức và Hà Lan cũng có các quy định cụ thể đối với PCP; trong khi Đức cũng có các quy định về phân tán thuốc nhuộm; Thụy Sĩ có quy định riêng về hóa chất (ORRChem).

Người nhập hàng/mua hàng tại châu Âu sẽ yêu cầu bằng chứng rằng sản phẩm của doanh nghiệp thực sự tuân thủ REACH. Bất kỳ nhà cung cấp uy tín nào về sợi, thuốc nhuộm, vải và da, nhãn, bản in, đồ trang trí và phụ kiện đều có thể cho doanh nghiệp xem báo cáo thử nghiệm, chứng chỉ tuân thủ REACH hoặc tuyên bố tuân thủ REACH cho các hóa chất mà họ đã sử dụng.

❖ Danh sách các chất hoá học bị hạn chế sử dụng (RSL)

Bên cạnh REACH, nhiều thương hiệu thời trang và nhà bán lẻ đã xây dựng danh sách các chất bị hạn chế (Restricted Substances List - RSL) của riêng họ, nghiêm ngặt hơn REACH. Sản phẩm của doanh nghiệp cần tuân thủ các RSL dành riêng cho người mua này nếu doanh nghiệp muốn kinh doanh với các thương hiệu thời trang và nhà bán lẻ trên.



RSL dành riêng cho người mua thường được tham khảo từ hướng dẫn Không xả thải hóa chất nguy hiểm (*Zero Discharge of Hazardous Chemicals - ZDHC*) về việc sử dụng hóa chất an toàn.

Hướng dẫn tuân thủ ZDHC: <https://www.roadmaptozero.com/input#CG>

❖ Một số chất hoá học bị hạn chế/cấm sử dụng

- **Thuốc nhuộm azo (Da thuộc và dệt may):** nếu doanh nghiệp sử dụng da nhuộm, hãy đảm bảo sản phẩm không chứa bất kỳ thuốc nhuộm azo nào giải phóng bất kỳ loại nào trong số 22 amin thơm bị cấm.

Danh sách thuốc nhuộm azo bị cấm (phụ lục 17 trong Quy định REACH (EC) số 1907/2006 ngày 18/12/2006):

https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_cherst_entry43_annexXVII_r1907_2006.pdf/

Luật châu Âu liệt kê các amin thơm, không phải thuốc nhuộm azo giải phóng chúng. Do đó, hầu hết các thuốc nhuộm azo đều được chấp nhận về mặt pháp lý. Hơn nữa, hầu hết các nhà sản xuất thuốc nhuộm có uy tín chỉ sản xuất thuốc nhuộm được chấp nhận hợp pháp. Tuy nhiên, việc từ chối ở biên giới và rút khỏi thị trường cho thấy thuốc nhuộm azo vẫn có thể gây ra vấn đề trên thị trường châu Âu.

- **Chromium VI (da):** việc sử dụng Chromium VI bị hạn chế ở châu Âu kể từ ngày 1 tháng 5 năm 2015. Một số quốc gia và người mua đã cấm sử dụng Chromium VI trước đó. Danh sách những đôi giày bị rút khỏi thị trường trong cơ sở dữ liệu Safe Gate cho thấy Chromium VI là lý do phổ biến nhất để rút khỏi thị trường trong một thời gian. Luật Châu Âu giới hạn mức tối đa việc sử dụng crom trong các sản phẩm da. 3 ppm. Xem phụ lục 17 trong Quy định REACH (EC) số 1907/2006 ngày 18/12/2006 về chi tiết cấm sử dụng chất Chromium VI.

- **Các hợp chất hữu cơ (Organostannic compounds, đặc biệt là các bộ phận làm bằng polyvinyl clorua – PVC):** Các hợp chất organotin, các hợp chất Dioctyltin (DOT) và các hợp chất Dibutyltin (DBT) có thể được sử dụng trong hàng dệt, ví dụ như trong vải có hoa văn in ấn. Tuy nhiên, việc sử dụng chúng bị hạn chế vì chúng có thể gây nguy hiểm cho sức khỏe con người, ức chế hệ thống miễn dịch hoặc gây hại cho sinh sản.

- PVC cũng chứa các hóa chất khác cho để ổn định hoặc làm dẻo, chẳng hạn như chì hoặc phthalates. Những chất này thường bị hạn chế. Mặc dù bản thân PVC không bị cấm, một số công ty đã tự nguyện quyết định loại bỏ PVC trong các sản phẩm của họ.

- **Nickel:** Các bộ phận và phụ kiện kim loại (chẳng hạn như khóa kéo hoặc nút) tiếp xúc trực tiếp và lâu dài với da không được giải phóng quá 0,5 µg / cm² niken mỗi tuần. Chi tiết được đề cập trong Phụ lục 17 của Quy định REACH (EC) số 1907/2006 ngày 18/12/2006³.

- Hạn chế sử dụng **parafin clo hóa chuỗi ngắn (short-chain chlorinated paraffins - SCCP)** là một lý do phổ biến khác cho việc thu hồi sản phẩm da giày tại châu Âu. Những chất này cũng là chất ô nhiễm hữu cơ khó phân hủy thường được sử dụng trong ngành công nghiệp da.

- Việc sử dụng **các hợp chất hữu cơ bền (POPs)** cũng bị cấm, mặc dù trong đa số trường hợp không được quy định trong REACH mà được quy định trong Công ước Stockholm (Quy định EU số 2019/1021⁴ ngày 20/6/2019). POPs đôi khi được sử dụng để làm vải chống nước hoặc chống cháy, hoặc trong công đoạn cuối cùng trong quá trình sản xuất da.

³ Chi tiết về việc hạn chế sử dụng Nickel trong REACH:

https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_cherest_entry27_annexXVII_r1907_2006.pdf

⁴ Quy định 2019/1021 ngày 20/06/2019: <http://data.europa.eu/eli/reg/2019/1021/oj>

- Quy định EC số 1907/2006, ngày 18/12/2006 nghiêm cấm hoặc hạn chế các chất sau trong quá trình sản xuất hoặc thành phẩm: Tris (2,3 dibromopropyl) phosphate, Tris (aziridinyl) phosphine oxide, PBB, mercury, Dioctyltin (DOT), Nickel, Azodyes, Nonylphenol ethoxylates, Chromium VI, PAH, PFOA và một vài chất khác.

- Quy định EU số 2019/1021, ngày 20/6/2019 cũng cấm các chất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong các sản phẩm như: Tetrabromodiphenyl ether, Pentabromodiphenyl ether...

- Ngoại trừ những sản phẩm diệt khuẩn được cho phép trong Phụ lục V⁵, Quy định EU số 528/2012⁶, ngày 22/5/2012, không có chất diệt khuẩn nào khác được dùng trong sản phẩm.

- Quy định (EU) số 517/2014 ngày 16/04/2014 cấm các sản phẩm có chứa khí nhà kính flo hoá (fluorinated greenhouse gases)

❖ Công ước CITES

Công ước CITES⁷ là Công ước năm 1973 về buôn bán quốc tế các loài động, thực vật hoang dã nguy cấp. Các biện pháp quản lý động vật hoang dã ở EU dựa trên Công ước này nhằm đảm bảo rằng hoạt động buôn bán quốc tế đối với các loài động vật và thực vật này không phải là mối đe dọa đối với việc bảo tồn chúng.



Quy định EC số 338/97, ngày 09/12/1996, về bảo vệ động vật hoang dã, dựa trên Công ước về CITES.

⁵ https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_chepest_bp_annex5.pdf/

⁶ <http://data.europa.eu/eli/reg/2012/528/2021-06-10>

⁷ <https://cites.org/eng>

Cấm nhập khẩu các sản phẩm làm từ bộ phận da, lông hoặc da thú thô của con hải cẩu theo Quy định EC số 1007/2009⁸ ngày 16/9/2009.

❖ Ghi nhãn sản phẩm

Các doanh nghiệp phải tuân theo Quy định số 94/11/EC⁹ về việc ghi nhãn (labelling) các vật liệu được sử dụng trong các thành phần chính của sản phẩm giày dép.

Nội dung ghi nhãn mô tả các chất liệu trong ba phần chính của giày dép (phần trên, lớp lót và đế ngoài), nêu rõ trong từng trường hợp chất liệu đó là da, bọc da, dệt may hay loại khác. Việc giám sát và kiểm tra thành phần của sản phẩm phù hợp với thông tin trên nhãn mác có thể diễn ra ở bất kỳ giai đoạn nào của chuỗi cung ứng.

Vị trí nhãn phải được đặt ở ít nhất một chiếc trong mỗi đôi. Nhãn có thể được in, dán, dập nổi hoặc đính kèm; kích cỡ chữ to và dễ hiểu.

Chỉ thị số 94/62/ EC, ngày 20/12/1994, cập nhật ngày 04/07/2018¹⁰ quy định các yêu cầu cần thiết về thành phần và giới hạn kim loại nặng đối với tất cả các bao bì được lưu hành trên thị trường EU, bao gồm cả bao bì được thiết kế cho mục đích công nghiệp, thương mại và trong nước nhằm giảm thiểu tác động môi trường của chất thải bao bì.

❖ Đóng gói sản phẩm

EU quy định yêu cầu về đóng gói (packaging) trong Chỉ thị 94/62/EC¹¹ về đóng gói và phế thải đóng gói cập nhật ngày 4 tháng 7 năm 2018 và các chỉ thị sửa đổi ban hành cho tất cả loại bao gói vào thị trường EU và tất cả chất thải bao bì.

⁸ <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A02009R1007-20151018>

⁹ <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A01994L0011-20130701>

¹⁰ Chỉ thị số 94/62/ EC, ngày 20/12/1994, cập nhật ngày 04/07/2018:

<https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A01994L0062-20180704&qid=1626849829269>

¹¹ <http://data.europa.eu/eli/dir/1994/62/2018-07-04>

Đóng gói được sử dụng để bảo vệ các sản phẩm chống lại các thiệt hại về cơ học. Bao bì đóng gói và ghi nhãn ngoài chứa những thông tin về sản phẩm còn giúp bảo vệ sản phẩm và xác định chất lượng của sản phẩm.

Để xác định vật liệu thích hợp cho đóng gói cần các thông tin như: trọng lượng của sản phẩm; kích cỡ của sản phẩm; số lượng sản phẩm được gói trong một hộp carton; tình trạng của sản phẩm; khả năng xếp chồng; hình dáng bên ngoài...



Nhằm hạn chế tác động của bao bì lên môi trường, EU đã đặt ra các quy định nhằm thiết lập các biện pháp liên quan đến quản lý bao bì và phế thải bao bì trong Chỉ thị 2008/98/EC¹² ngày 19/11/2008 về chất thải. Mục đích của Chỉ thị này để bảo vệ môi trường và sức khỏe con người bằng cách ngăn ngừa hoặc giảm các tác động tiêu cực của chất thải, quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công việc quản lý rác thải. Các nhà xuất khẩu phải đảm bảo chắc chắn tuân thủ các yêu cầu về bao bì đóng gói, kim loại nặng và dán nhãn hàng hoá khi thâm nhập vào thị trường EU.

❖ Quyền sở hữu trí tuệ

Việc sử dụng bất hợp pháp các thương hiệu và mẫu thiết kế trong ngành may mặc được coi là một mối đe dọa nghiêm trọng cho ngành thời trang châu Âu. Nếu doanh nghiệp bán các thiết kế của mình tại thị trường châu Âu, họ phải đảm bảo không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ. Các quyền này có thể áp dụng cho thiết kế của sản phẩm, thương hiệu hoặc bản vẽ thiết kế được sử dụng. Nếu bên mua cung cấp

¹² <http://data.europa.eu/eli/dir/2008/98/oj>

mẫu thiết kế thì sẽ phải chịu trách nhiệm nếu mặt hàng liên quan bị phát hiện vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Doanh nghiệp cần kiểm tra các trang web của Cơ quan Sở hữu trí tuệ của châu Âu (EUIPO¹³) và cập nhật các mẫu thiết kế, thương hiệu và kho dữ liệu lưu trữ các thiết kế được bảo hộ sở hữu trí tuệ của châu Âu. Đối với dữ liệu về các thiết kế được bảo hộ ngoài EU, doanh nghiệp có thể truy cập trang web của Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).



❖ Thủ tục hải quan

Theo quy định, các hàng hóa bên ngoài EU khi được nhập khẩu phải khai báo hải quan. Thủ tục hải quan là thủ tục theo đó hàng hóa được trả ra khi hoàn tất khai báo nhập khẩu đi kèm với các chứng từ liên quan và nộp đầy đủ thuế và các nghĩa vụ hải quan khác cho cơ quan hải quan.

Các chứng từ cơ bản trong bộ hồ sơ hải quan

Theo quy định của EU, khi thông quan hàng hoá, phải xuất trình cho cơ quan Hải quan tờ khai theo mẫu do Hải quan quy định. Những chứng từ cơ bản cho hàng hoá nhập khẩu vào các nước thành viên EU không phụ thuộc vào giá trị lô hàng hay loại hình vận chuyển. Thông thường đối với hàng nhập khẩu vào EU, yêu cầu phải có những chứng từ cơ bản sau:

- **Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice):** Cần ghi rõ chính xác thông tin của người nhập khẩu, người xuất khẩu, ngày xuất hóa đơn, số hóa đơn, miêu

¹³ <https://euipo.europa.eu>

tả hàng hóa, điều kiện giao hàng và các chi tiết cần thiết nhằm xác định đúng tất cả giá hàng, cước phí và bảo hiểm;

- **Tờ khai Trị giá Hải quan (Customs Value Declaration):** áp dụng cho các lô hàng vượt quá 20.000 EUR. Tờ khai hải quan phải kèm theo Văn bản hành chính đơn (Single Administrative Document – SAD).
- **Mẫu Tờ khai Trị giá Hải quan:**
https://webgate.ec.europa.eu/reqs/public/v1/requirement/auxi/eu/eu_gen_valuedec_dv1.pdf/
- **Văn bản Hành chính đơn (Single Administrative Document - SAD):** Tất cả hàng hóa nhập khẩu vào EU phải được khai báo với cơ quan hải quan của Quốc gia thành viên tương ứng bằng Văn bản Hành chính đơn (Single Administrative Document - SAD), mẫu hồ sơ chung cho tất cả các Quốc gia thành viên EU theo Bộ luật Hải quan của Liên minh và Đạo luật được ủy quyền chuyển tiếp (Quy định EU 2016/341¹⁴ ngày 17/12/2015) trong khi môi trường hải quan điện tử được triển khai đồng bộ.
- **Chứng từ vận chuyển (Freight documents):** tùy vào loại phương tiện vận chuyển hàng hoá mà vận đơn (Bill of lading) và chứng từ tương ứng được yêu cầu xuất trình
- **Vận đơn (Bill of Lading):** Cần có bản sao vận đơn (hoặc vận đơn hàng không) để làm thủ tục hải quan. Người nhận hàng thường cần có vận đơn gốc để thông quan nhập khẩu.
- **Giấy chứng nhận xuất xứ (Certificate of Origin – C/O):** Khi người nhập khẩu yêu cầu hoặc quy định bắt buộc đối với một số mặt hàng nhất định. Các hàng

¹⁴ http://data.europa.eu/eli/reg_del/2016/341/2021-03-15

hoá được hưởng GSP phải có giấy chứng nhận xuất xứ mẫu A “C/O form A.”
Đối với xuất khẩu hàng hóa theo EVFTA cần chứng nhận xuất xứ C/O EUR1.

- **Phiếu đóng gói (Packing list):** Là một chứng từ thương mại kèm theo hóa đơn thương mại và chứng từ vận tải, cung cấp thông tin về mặt hàng nhập khẩu và chi tiết đóng gói của từng lô hàng.
- **Giấy phép nhập khẩu (Import License):** Theo quy định của EU, giấy phép nhập khẩu là cần có đối với hầu hết các mặt hàng nông sản, thực phẩm, sắt, thép, nhôm, vũ khí, hóa chất, dược phẩm.
- **Giấy chứng nhận bảo hiểm hàng hóa (Insurance Certificate):** Chỉ phải xuất trình nếu thông tin về phí bảo hiểm không được thể hiện trong hóa đơn thương mại.
- Và một số chứng từ, tài liệu khác tùy thuộc vào loại hàng hóa nhập khẩu hoặc các ưu đãi được hưởng.

Thủ tục hải quan của EU

Khi hàng hóa đến cơ quan hải quan nhập cảnh vào EU, hàng hóa được đưa vào kho tạm giữ dưới sự giám sát của hải quan (không quá 90 ngày) cho đến khi được thực hiện một trong các thủ tục hải quan sau (hoặc tái xuất):

Phát hành thủ tục lưu thông tự do (Release for free circulation)

Mục đích của việc phát hành thủ tục lưu thông tự do là hoàn thành tất cả các thủ tục nhập khẩu để hàng hóa có thể được bán trên thị trường Liên minh.

Hàng hóa được đưa đi tiêu thụ khi đã đáp ứng tất cả yêu cầu nhập khẩu:

- Tất cả loại thuế quan hiện hành và khoản phí khác đã được thanh toán.
- Đã xuất trình giấy phép nhập khẩu đối với hàng hóa theo hạn ngạch.
- Tất cả các giấy phép và giấy chứng nhận hiện hành (ví dụ: giấy chứng nhận thú y cho một số động vật hoặc sản phẩm động vật) đã được xuất trình.

Hàng hóa nhập khẩu được làm thủ tục khai báo hải quan. Ngày mà tờ khai này được cơ quan hải quan ở một nước EU chấp nhận cũng là ngày được tính thuế nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt, nếu có.

Các thủ tục đặc biệt (Special procedures)

Hàng hóa có thể được đặt dưới bất kỳ hình thức xử lý nào sau đây:

- Quá cảnh trong Liên minh, bao gồm:

- *Quá cảnh bên ngoài (External transit)*: hàng hóa không thuộc Liên minh có thể được chuyển từ điểm này đến điểm khác trong lãnh thổ hải quan của EU mà không phải chịu thuế nhập khẩu, các khoản phí khác liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa (tức là thuế nội địa) và các biện pháp chính sách thương mại. Chuyển hàng hóa sang một nước thành viên EU khác có nghĩa là thủ tục thông quan được chuyển đến cơ quan hải quan nơi đến.

- *Quá cảnh nội bộ (Internal transit)*: hàng hóa của EU có thể được chuyển từ điểm này đến điểm khác trong lãnh thổ hải quan của EU mà không có bất kỳ thay đổi nào về tình trạng hải quan của chúng. Điều này bao gồm việc vận chuyển hàng hóa qua một lãnh thổ khác nằm ngoài lãnh thổ hải quan của EU.

- Kho lưu trữ, bao gồm kho hải quan và các khu tự do:

- *Kho hải quan (Customs Warehouse)*: hàng hóa không thuộc Liên minh có thể được lưu trữ tại cơ sở hoặc bất kỳ địa điểm nào khác được cơ quan hải quan cho phép và chịu sự giám sát hải quan (kho hải quan) mà không phải chịu thuế nhập khẩu, các khoản phí khác liên quan đến việc nhập khẩu hàng hóa và thương mại các biện pháp chính sách.

- *Các khu vực tự do (Free zones)*: các quốc gia Thành viên có thể chỉ định các phần lãnh thổ hải quan của Liên minh là các khu vực tự do. Đây là nơi hàng hóa có thể được giới thiệu miễn thuế nhập khẩu, các khoản phí khác (tức là thuế nội địa) và các biện pháp chính sách thương mại, cho đến khi chúng được giao một thủ tục

hải quan được chấp thuận khác hoặc được tái xuất. Hàng hóa cũng có thể trải qua các hoạt động đơn giản như xử lý và đóng gói lại.

- Sử dụng cụ thể bao gồm nhập khẩu tạm thời và sử dụng cuối cùng:

- *Nhập khẩu tạm thời*: hàng hóa không thuộc Liên minh có thể vào EU mà không phải trả thuế nhập khẩu, miễn là chúng được dùng để tái xuất mà không bị thay đổi. Thời hạn tạm nhập tối đa là hai năm.

- *Sử dụng cuối cùng*: hàng hóa có thể được lưu thông tự do theo hình thức miễn thuế hoặc giảm thuế tùy theo mục đích sử dụng cụ thể của chúng.

- Xử lý, bao gồm xử lý bên trong và bên ngoài:

- *Gia công nội địa*: hàng hóa có thể được nhập khẩu vào EU mà không phải chịu thuế, thuế và thủ tục, được xử lý dưới sự kiểm soát của hải quan và sau đó tái xuất. Nếu các thành phẩm cuối cùng không được xuất khẩu, chúng sẽ phải chịu các loại thuế và thủ tục hiện hành.

- *Gia công bên ngoài*: hàng hoá của Liên minh có thể được tạm xuất từ lãnh thổ hải quan của Liên minh cho mục đích gia công. Hàng hóa đã qua chế biến có thể được đưa ra lưu thông tự do với thuế nhập khẩu được giảm toàn bộ hoặc một phần.

VI. Thực tiễn năm đầu thực thi Hiệp định EVFTA trong xuất khẩu mặt hàng sang thị trường EU

Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, một năm kể từ khi EVFTA chính thức đi vào hiệu lực (từ tháng 8/2020 – tháng 7/2021), kim ngạch xuất khẩu mặt hàng giày dép sang thị trường EU đạt 4,42 tỷ USD, tăng 8,9% với cùng



giai đoạn trước EVFTA (tháng 8/2019 - tháng 7/2020). Kết quả tăng trưởng tích cực này được nhận định có sự hỗ trợ đáng kể từ việc thực thi Hiệp định Thương mại tự do EVFTA và đặc biệt đáng ghi nhận trong bối cảnh kinh tế, giao thương và cung ứng toàn cầu vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn và các diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch Covid-19. Doanh nghiệp đang dần hiện thực hóa được những cơ hội và lợi ích mà Hiệp định này mang lại.

Bảng 11: Kim ngạch xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang EU trong 1 năm Hiệp định EVFTA có hiệu lực

Thị trường	Tháng 8/2020 - 7/2021 (nghìn USD)	So với tháng 8/2019-7/2020 (%)
EU	4.415.574	8,9
Bỉ	1.190.426	14,1
Đức	972.492	3,3
Hà Lan	799.571	14,9
Pháp	498.094	13,6
Italia	271.182	-2,3
Tây Ban Nha	219.560	16,1
Slovenia	76.854	193,3
Cộng Hoà Séc	97.192	28,8
Thụy Điển	80.842	8,2
Ba Lan	45.147	7,9
Luxembua	39.696	68
Hy Lạp	24.374	-9

Thị trường	Tháng 8/2020 - 7/2021 (nghìn USD)	So với tháng 8/2019-7/2020 (%)
Phần Lan	22.058	19,7
Áo	17.810	-24,6
Đan Mạch	11.574	-35
Manta	5.412	16,6
Ai Len	4.457	-55
Slovakia	26.990	-75,4
Bungari	3.267	47,3
Bồ Đào Nha	2.664	-32,4
Rumani	1.670	-27,5
Lítva	887	145,1
Croatia	1.175	-24
Hungary	900	-62,4
Síp	724	-50,7
Látvia	533	-30,2
Estonia	23	-77

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng của Hải quan

Sau một năm Hiệp định EVFTA có hiệu lực, xuất khẩu mặt hàng giày dép của Việt Nam sang hầu hết các thị trường chủ lực tại EU đều tăng mạnh, điển hình như Bỉ (+14,1%), Hà Lan (+14,9%), Pháp (+13,6%), Tây Ban Nha (+16,1%), Séc (+28,8%). Đáng chú ý, một số thị trường ngách cũng chứng kiến mức tăng trưởng rất cao như: Phần Lan (+19,7%), Bungari (+47,3%), Slovenia (+193%); Luxembua (+68%).

Ngay khi EVFTA chính thức có hiệu lực, mức thuế của giày thể thao được cắt giảm về mức 0%. Mặt hàng giày dép này của Việt Nam đã tận dụng rất tốt mức ưu đãi, khi kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh và là chủng loại được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường EU. Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu chủng loại giày thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày tập và những thứ tương tự, với đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũi giày bằng vật liệu dệt (HS



640411) sang EU trong năm đầu thực thi EVFTA đạt 1,47 tỷ USD, tăng 14,2% so với cùng giai đoạn trước đó. Xuất khẩu các chủng loại giày dép có mã HS: 640419, 640299, 640391, 640291 sang EU kể từ khi EVFTA có hiệu lực cũng tăng trưởng tích cực, đặc biệt là trong 7 tháng đầu năm 2021 đều tăng ở mức 2 con số.

Ở chiều ngược lại, xuất khẩu chủng loại giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũi bằng da (HS 640399) sang EU sau 1 năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực giảm 6,5% so với cùng giai đoạn trước đó.

Bảng 12: Kim ngạch xuất khẩu một số chủng loại giày dép sang EU 1 năm sau khi Hiệp định EVFTA có hiệu lực

Mã HS	Mô tả	T8/2020-T7/2021 (nghìn USD)	So với T8/2019-T7/2020 (%)
640411	Giày thể thao, giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày tập và những thứ tương tự, với đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũi giày bằng vật liệu dệt	1.472.122	14,2
640399	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũi bằng da (không bao gồm mắt cá chân, kết hợp với	937.609	-6,5

Mã HS	Mô tả	T8/2020- T7/2021 (nghìn USD)	So với T8/2019- T7/2020 (%)
	ngón chân kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)		
640419	Giày có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa và mũ giày bằng vật liệu dệt (trừ giày thể thao, bao gồm giày tennis, giày bóng rổ, giày thể dục, giày tập và các loại tương tự, và giày đồ chơi)	902.299	27,0
640299	Giày có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm mắt cá chân hoặc có quai trên hoặc dây buộc được lắp vào đế bằng phích cắm, giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	547.889	0,4
640391	Giày có đế ngoài bằng cao su, nhựa hoặc da tổng hợp, có mũ bằng da, che mắt cá chân (không bao gồm kết hợp kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	327.812	17,6
640291	Giày dép che mắt cá chân, có đế ngoài và mũ bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	90.064	29,2
640219	Giày thể thao có đế ngoài và mũ cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày không thấm nước thuộc nhóm 6401, giày trượt tuyết, giày trượt tuyết xuyên quốc gia, giày trượt tuyết và giày trượt có gắn giày trượt băng hoặc giày trượt patin)	55.498	-29,5
640319	Giày thể thao, có đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và giày da (không bao gồm giày trượt tuyết, giày trượt tuyết xuyên quốc gia, giày trượt tuyết và giày trượt có gắn giày trượt băng)	34.945	-16,4
640590	Giày có đế ngoài bằng cao su hoặc nhựa, có mũ giày khác với cao su, nhựa, da hoặc vật liệu dệt; giày dép có đế ngoài bằng da hoặc da tổng hợp, có đế ngoài bằng da hoặc vật liệu dệt; giày dép có đế ngoài bằng gỗ, nút chai, bìa giấy, da thú, nỉ, rơm, xơ mướp, v.v., với mũ giày ngoài da, da tổng hợp hoặc vật liệu dệt	15.954	56,4
640340	Giày dép, kết hợp một ngón chân kim loại bảo vệ, với đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũ giày bằng da (trừ giày thể thao và giày chỉnh hình)	7.805	51,5
640520	Giày dép có mũ bằng vật liệu dệt (không bao gồm đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	10.492	47,5
640192	Giày không thấm nước che mắt cá chân, nhưng không phải đầu gối, có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, đế giày không cố định với đế cũng không được lắp ráp bằng cách khâu, tán đinh, đóng đinh, vắn vít, cắm hoặc các quy trình tương tự (không bao gồm kết hợp một toe cap kim loại bảo vệ, giày chỉnh hình, giày thể thao và đồ chơi)	2.605	73,6

Mã HS	Mô tả	T8/2020- T7/2021 (nghìn USD)	So với T8/2019- T7/2020 (%)
640359	Giày có đế ngoài và mũi bằng da (không bao gồm mắt cá chân, kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, với mũi giày bao gồm dây da qua mu bàn chân và quanh ngón chân cái, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	2.806	12,4
640212	Giày trượt tuyết có đế ngoài và mũi bằng cao su hoặc nhựa (không bao gồm giày chống nước thuộc nhóm 6401)	1.824	-35,2
640220	Giày có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, có dây đai trên hoặc dây buộc được lắp vào đế bằng phích cắm (không bao gồm giày dép đồ chơi)	2.003	-59,1
640510	Giày có đế bằng da hoặc da tổng hợp (không bao gồm đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũi giày bằng da, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	1.838	52,5
640320	Giày có đế ngoài bằng da, và giày cao gót bao gồm dây da qua mu bàn chân và quanh ngón chân cái	565	242,1
640420	Giày có đế ngoài bằng da hoặc da tổng hợp và mũi bằng vật liệu dệt (không bao gồm giày đồ chơi)	459	239,4
640199	Giày không thấm nước không che mắt cá chân hay đầu gối, có đế ngoài và đế bằng cao su hoặc nhựa, đế giày không cố định với đế cũng không được lắp ráp bằng cách khâu, tán đinh, đóng đinh, vện vít, cắm hoặc các quy trình tương tự (không bao gồm mắt cá chân nhưng không phải đầu gối, giày dép kết hợp với ngón chân kim loại bảo vệ, giày chỉnh hình, giày trượt băng có giày trượt băng hoặc giày trượt và giày thể thao và đồ chơi)	867	33,1
640351	Giày có đế ngoài và mũi bằng da, che mắt cá chân (không bao gồm kết hợp với kim loại bảo vệ, giày thể thao, giày chỉnh hình và giày đồ chơi)	107	-81,2
640312	Giày trượt tuyết, giày trượt tuyết có đế ngoài bằng cao su, nhựa, da hoặc da tổng hợp và mũi giày bằng da	12	764,4

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Thị phần của Việt Nam tại EU:

Đáng chú ý, trong bối cảnh chung khi kinh tế EU bị tác động nghiêm trọng bởi đại dịch khiến sức tiêu thụ và nhập khẩu hàng hóa tại thị trường suy giảm, nhập khẩu giày dép của EU từ Việt Nam vẫn chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể; thị phần cạnh tranh của giày dép Việt Nam đang có dấu hiệu cải thiện tại thị trường EU. Theo tính toán từ số liệu của Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong 7 tháng năm 2021, cũng là thời điểm tròn một năm kể từ khi EVFTA có hiệu lực, EU nhập khẩu

mặt hàng giày dép từ Việt Nam đạt kim ngạch 2,33 tỷ EUR, tăng 7,87%; chiếm thị phần 23,27%, cao hơn so với mức 20,04% cùng kỳ năm ngoái.

Bảng 13: Nhập khẩu của EU và thị phần giày dép Việt Nam tại EU thời điểm tròn 1 năm EVFTA có hiệu lực

ĐVT: triệu EUR

Mặt hàng	Kim ngạch nhập khẩu của EU 7 tháng 2021		Thị phần của Việt Nam 7T 2021	Tăng trưởng so với cùng kỳ	Kim ngạch nhập khẩu của EU 7 tháng 2020		Thị phần của Việt Nam 7T 2020
	EU ngoại khối	Việt Nam			EU ngoại khối	Việt Nam	
Giày dép (HS 64)	10.011	2.329	23,27%	▲ 7,87%	10.775	2.159	20,04%

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Eurostat

Có thể thấy, EVFTA trên thực tế đã có những tác động hết sức tích cực lên xuất khẩu mặt hàng giày dép của Việt Nam. Sau một năm thực thi Hiệp định, xuất khẩu hàng giày dép Việt Nam sang EU đã chứng kiến sự tăng trưởng rất khả quan bất chấp những khó khăn, phức tạp do đại dịch Covid-19, nhờ tận dụng tốt ưu đãi thuế quan trong EVFTA bằng việc đáp ứng quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa tương ứng trong Hiệp định này. Tiêu chí xuất xứ đối với giày dép theo EVFTA mặc dù được xem là chặt hơn so với các FTA khác nhưng không phải là tiêu chí mới do trước đó doanh nghiệp đã xuất khẩu sang EU với tiêu chí tương tự theo cơ chế ưu đãi GSP. Quy tắc xuất xứ áp dụng gần như không thay đổi; đây là thuận lợi lớn cho doanh nghiệp giày dép Việt Nam.

Tuy nhiên, việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 thời gian qua là cảnh báo cho ngành sản xuất da giày trong nước khi đang phụ thuộc lớn vào nguồn nguyên phụ liệu nhập khẩu. Do vậy, để có thể phát triển bền vững và tận dụng tối đa ưu đãi thuế quan



cũng như các cơ hội từ Hiệp định EVFTA mang lại, các doanh nghiệp cần tập trung phát triển cân bằng nguồn nguyên liệu sản xuất trong nước để phục vụ sản xuất, xuất khẩu.

Khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả tích cực đạt được sau 1 năm EVFTA đi vào hiệu lực, xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang EU vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn, vướng mắc.

Tình hình dịch bệnh với diễn biến phức tạp, kéo dài ảnh hưởng nghiêm trọng đến giao thương, đứt gãy cung ứng hàng hóa, làm suy giảm nghiêm trọng nguồn lực của doanh nghiệp, ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm cả các khâu đổi mới công nghệ, cải thiện chất lượng sản phẩm, năng suất lao động... Ngoài ra, khó khăn trong hoạt động logistics như khó thuê container, giá cước vận tải tăng cao kỷ lục... cũng làm ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng hóa nói chung và xuất khẩu giày dép của Việt Nam sang thị trường EU.

Hiện nay, kể cả với lợi thế từ EVFTA, Việt Nam vẫn gặp khó trong việc tiếp cận thị trường EU do chưa hoàn toàn đáp ứng các yêu cầu cao của EU đặt ra đối với chất lượng, mẫu mã sản phẩm, các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật, đến các vấn đề môi trường, xã hội, phát triển bền vững... EU cũng thường xuyên rà soát, điều chỉnh các quy định khiến các doanh nghiệp Việt Nam trong nhiều trường hợp không kịp nắm bắt, thích nghi. Bên cạnh đó, EU đang có xu hướng gia tăng áp dụng biện pháp phi thuế quan, các biện pháp phòng vệ thương mại và hàng rào bảo hộ mới. Xu hướng củng cố chuỗi cung ứng trong nội khối EU cũng tạo ra sức ép cạnh tranh về thương mại và đầu tư đáng kể cho các doanh nghiệp Việt Nam.

Trong khi đó, về bản thân các doanh nghiệp, đặc biệt các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam năng lực cạnh tranh và khả năng tham gia thương mại quốc tế còn hạn chế, đồng thời chưa thực sự chú trọng xây dựng chiến lược kinh doanh bài bản, bền vững, từ đó ảnh hưởng đến việc tận dụng các cơ hội mà Hiệp định

mang lại. Một thực trạng nữa là nhiều doanh nghiệp chưa thực sự chủ động tìm hiểu về thị trường và các ưu đãi FTA. Theo khảo sát gần đây của VCCI, có tới 45% doanh nghiệp xuất nhập khẩu chưa biết đến cam kết thuế quan liên quan đến ngành hàng của mình.

Cơ hội, triển vọng từ EVFTA

Với kinh nghiệm xuất khẩu nhiều năm và lợi thế cạnh tranh đáng kể, cùng những kết quả khả quan sau một năm EVFTA đi vào thực thi, nhiều cơ hội triển vọng đang mở ra cho ngành da giày Việt Nam.

Hiệp định EVFTA là một trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có mức độ cam kết cao, toàn diện sẽ hỗ trợ ngành da giày Việt Nam tiệm cận vị trí “mắt xích” quan trọng trong chuỗi giá trị toàn cầu.

EVFTA mang lại nhiều lợi thế cho doanh nghiệp Việt Nam, tạo cơ hội tăng trưởng xuất khẩu, mở rộng thị phần; đồng thời cũng tạo sức ép để nâng cao năng lực sản xuất nội tại, sức cạnh tranh, chinh phục thành công các thị trường cao cấp. Theo nghiên cứu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đối với ngành da giày, tốc độ tăng xuất khẩu vào EU dự báo sẽ gấp đôi vào 2025, và tổng xuất khẩu giày da cũng sẽ tăng khoảng 34%, sản lượng của toàn ngành tăng ở mức 31,8%.

Nhờ những ưu đãi về thuế quan và xu hướng đa dạng hóa nguồn cung trên thế giới, trong trung dài hạn, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội từ làn sóng dịch chuyển sản xuất gia công, điển hình trong lĩnh vực dệt may, da giày. Tuy nhiên, trong dài hạn nếu không có giải pháp đi sâu vào trong chuỗi giá trị (ODM, OEM), những lợi thế về chi phí của Việt Nam sẽ mất dần đi và gặp phải áp lực cạnh tranh từ các đối thủ lớn trong khu vực.

EVFTA sẽ tạo điều kiện thu hút FDI và chuyển giao công nghệ vào Việt Nam để đầu tư sản xuất các sản phẩm giày dép, đặc biệt là hoạt động gia công quốc tế khi doanh nghiệp nước ngoài có thể nhập khẩu nguồn nguyên liệu từ EU sau đó xuất khẩu thành phẩm sang EU với chi phí thấp.



VII. Doanh nghiệp cần làm gì để tận dụng EVFTA xuất khẩu mặt hàng sang thị trường EU

- ✓ Doanh nghiệp cần chủ động tìm hiểu thông tin thị trường, các quy định chính sách của EU, cùng các cam kết liên quan trong Hiệp định EVFTA để có thể tận dụng được hiệu quả các ưu đãi khi xuất khẩu sang EU.

Hướng dẫn sử dụng một số công cụ hỗ trợ tìm kiếm thông tin

(1) Hệ thống dữ liệu Access2Markets

Hệ thống dữ liệu về Tiếp cận thị trường của EU - Access2Markets

<https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/home>

Hệ thống Access2Markets do EC xây dựng nhằm hỗ trợ các hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp châu Âu cũng như các doanh nghiệp đối tác xuất nhập khẩu của châu Âu. Với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam, Access2Markets của EU có thể giúp tìm hiểu các số liệu về xuất nhập khẩu của EU đối với một mặt hàng cụ thể với một đối tác cụ thể. Đồng thời, công cụ này cũng cung cấp thông

tin về thuế quan, hàng rào kỹ thuật, thủ tục hải quan, quy tắc xuất xứ đối với hàng hóa nhập khẩu vào EU...

Cổng thông tin này được hiển thị với 24 ngôn ngữ chính thức của EU và có các nội dung sau:

- Hướng dẫn cụ thể từng bước về xuất/nhập khẩu tới EU;
- Thông tin về quy định và tiêu chuẩn kỹ thuật cần thiết liên quan tới hàng hóa nhập khẩu vào thị trường EU;
- Hướng dẫn chi tiết về quy tắc xuất xứ;
- Công cụ hỗ trợ doanh nghiệp xác định xuất xứ sản phẩm của mình;
- Giải thích các thuật ngữ thương mại;
- Thông tin về lộ trình cắt giảm thuế quan trong hiệp định thương mại;
- Đồ thị thống kê dòng chảy thương mại.

Hướng dẫn sử dụng:

Hệ thống tra cứu này không yêu cầu đăng nhập. Doanh nghiệp có thể trực tiếp truy cập vào trang web và tra cứu các thông tin cần thiết.

Hệ thống này bao gồm rất nhiều thông tin, doanh nghiệp truy cập và link <https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/content/welcome-access2markets-market-access-database-users> và làm theo các hướng dẫn trên đó để tìm thông tin cần biết liên quan đến Hàng hóa, Dịch vụ, Đầu tư và Thị trường.

Doanh nghiệp nhập các thông tin vào ô tương ứng để tìm kiếm các thông tin liên quan.

Sau khi tìm kiếm thành công, các thông tin về thuế nhập khẩu, quy tắc xuất xứ, thuế, quy định & tiêu chuẩn kỹ thuật về hàng hóa, tiềm năng thị trường được cung cấp.

Import to EU

Results for product code 8403.10.10 from Vietnam to Belgium

Tariffs
latest update: 26 October 2021

Origin/ Measure type	Tariff	Conditions	Footnote	EU law
ERGA OMNES Third country duty	2.70%			R2261/98
ERGA OMNES Suspension - goods for certain categories of ships, boats and other vessels and for drilling or production platforms	0%	Show	EU003 TM510	R2658/87
GSP - General arrangements Tariff preference	0%			R0978/12
Viet Nam Tariff preference	0%			D0753/20

Các thông tin khác:

- Quy tắc xuất xứ
- Thuế quan
- Quy định và yêu cầu nhập khẩu liên quan tới hàng hóa
- Số liệu thương mại của hàng hóa
- Cách đọc các kết quả

Thông tin thuế nhập khẩu (tariff), điều kiện và quy định của EU đi kèm

Để tra cứu số liệu về xuất nhập khẩu về hàng hóa giữa EU (không bao gồm Anh) và các đối tác, doanh nghiệp lựa chọn menu Goods (Hàng hóa) ở thanh menu trái và truy cập vào trang EU trade statistics (excluding United Kingdom):

<https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/statistics>

(2) Công cụ Trade Map – Bản đồ Thương mại của ITC

Công cụ Trade Map - Bản đồ Thương mại của ITC

<https://www.trademap.org/>

Công cụ tra cứu Trade Map được ITC xây dựng nhằm giúp các doanh nghiệp tìm hiểu và nghiên cứu thông tin thương mại về các sản phẩm và thị trường chiến lược.

Trang chủ của công cụ Trade Map

Trade Map cung cấp số liệu về xuất nhập khẩu và thuế quan của từng sản phẩm của từng quốc gia với từng đối tác. Thông qua Trade Map, người dùng có thể tìm hiểu được thế mạnh xuất khẩu/nhu cầu nhập khẩu của từng đối tác thương mại và các đối thủ cạnh tranh hiện tại. Trade Map cung cấp số liệu theo từng năm, theo từng mã HS ở cấp 2, 4, hoặc 6 số, theo giá trị hoặc tỷ lệ phần trăm... Người dùng có thể trích xuất thông tin dưới dạng bảng, biểu đồ hoặc bản đồ và lọc các dữ liệu cần trích xuất theo hàng hóa, quốc gia, nhóm sản phẩm hoặc nhóm quốc gia...

ITC

TRADE MAP
Trade statistics for international business development
Monthly, quarterly and yearly trade data. Import & export values, volumes, growth rates, market shares, etc.

Home & Search Data Availability Reference Material Other ITC Tools More Login English

Trade Map provides - in the form of tables, graphs and maps - indicators on export performance, international demand, alternative markets and competitive markets, as well as a directory of importing and exporting companies.
Trade Map covers 220 countries and territories and 5300 products of the Harmonized System. The monthly, quarterly and yearly trade flows are available from the most aggregated level to the tariff line level.

Imports Exports

Service Product ☒ Single ☐ Group [Advanced search](#)

☒ Country ☐ Region

Trade Map là công cụ miễn phí và rất hữu hiệu đặc biệt cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ khi muốn tìm hiểu một thị trường xuất khẩu/nhập khẩu tiềm năng, đánh giá các đối thủ cạnh tranh hiện tại, để từ đó xây dựng các chiến lược xuất nhập khẩu cho doanh nghiệp mình.

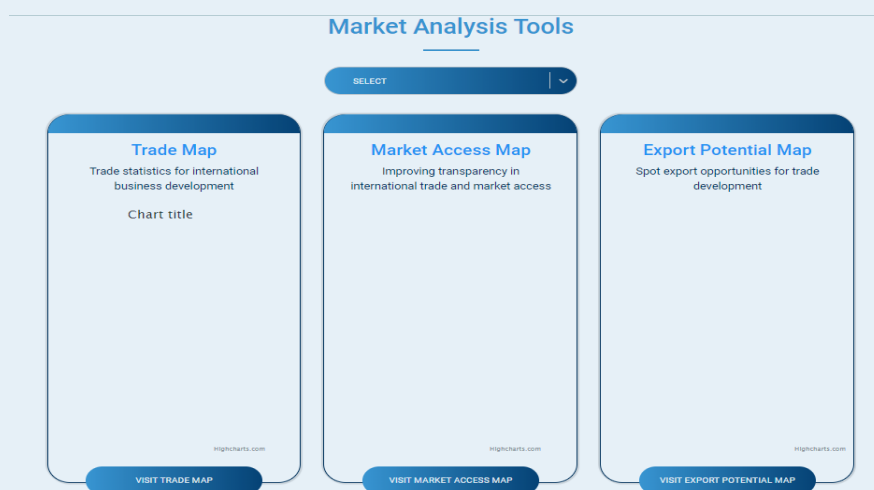
Hướng dẫn sử dụng

Tạo tài khoản: Để sử dụng Trade Map, người dùng chỉ cần đăng ký 1 tài khoản bằng email trên trang web của ITC sau đó có thể đăng nhập và sử dụng tất cả các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC, trong đó có Trade Map.

Thông tin chi tiết về các công cụ trên có thể truy cập tại:

<https://marketanalysis.intracen.org>

Các công cụ nghiên cứu thị trường của ITC



Đăng ký tài khoản sử dụng Trade Map và các công cụ trên tại:

<https://mas-admintools.intracen.org/accounts/Registration.aspx>

The screenshot shows the 'MARKET ANALYSIS TOOLS ACCOUNT' registration page. It includes the ITC logo and the following content:

Registration to the ITC Market Analysis Tools:

The [International Trade Centre](#) has developed four [Market Analysis Tools](#) : Trade Map, Market Access Map, Investment Map and Standards Map to enhance the transparency of global trade and market access and to help users in their market analyses.

- Users from [developing countries](#) have full access to the tools **free of charge**.
- Users from [developed countries](#) have **restricted access** to the tools **free of charge**. Users wishing to access the full versions of the tools can consult the [subscription option and fees](#).
- Thanks to the support of the European Union, ITC provides **free access** to European Union users to our Market Analysis Tools until 31 December 2022.

Market Analysis Tools:

- Trade Map**
an online tool with monthly, quarterly and yearly international trade data combined with statistical indicators and information on trading companies which helps you prioritize export or import markets.
- Investment Map**
an online tool that provides the sector breakdown of foreign direct investment (FDI), trade, market access and foreign affiliates information to support strategies of investment attraction and targeting.
- Market Access Map**
a free analytical portal that allows users to Access, Compare, Analyse and Download customs tariffs, tariff-rate quotas, trade remedies and non-tariff measures applicable to a specific good in any market in the world. The web-application is interactive, simple and easy to use.
- Market Price Information**
an online tool to track most recent market price information from multiple sources and geographic areas. It provides daily or weekly prices and market news for more than 300 agricultural products.
- Sustainability Map**
an online tool to analyse and compare voluntary standards promoting sustainable development applied to the production and trade of goods and services.

Registration Form:

Please enter your email address: ■
An activation email will be sent to this address
It will be used to login to the ITC Market Analysis Tools

Confirm your email address: ■

[Continue registration >](#)

Hướng dẫn tra cứu:

Bước 1: Lựa chọn sản phẩm và nước

Sau khi đăng nhập, người dùng vào trang chủ của Trademap và lựa chọn số liệu cần tìm là Imports (Nhập khẩu) hay Export (Xuất khẩu), loại sản phẩm là Service (Dịch vụ) hay Product (Hàng hóa). Sau đó lựa chọn loại sản phẩm trong ô trống đầu tiên, nước quan tâm trong ô trống thứ hai, và đối tác thương mại của nước đó trong ô trống thứ ba.



The screenshot shows the ITC Trade Map website. The header includes the ITC logo and the text "TRADE MAP Trade statistics for international business development Monthly, quarterly and yearly trade data. Import & export values, volumes, growth rates, market shares, etc." There is a navigation bar with links: Home & Search, Data Availability, Reference Material, Other ITC Tools, and More. A login button and a language dropdown (English) are also present. Below the navigation bar, there is a description of the site's purpose. The main search area has two tabs: Imports and Exports. Under the Imports tab, there are two sections: Service and Product. The Product section has radio buttons for Single and Group, and a text input field with a dropdown arrow. Below this, there are radio buttons for Country and Region, and another text input field with a dropdown arrow. There are also links for Advanced search and a help icon.

Bước 2: Lựa chọn loại thông tin tra cứu

Sau khi hoàn thành lựa chọn sản phẩm, nước quan tâm và đối tác, người dùng sẽ chọn loại thông tin tìm kiếm theo chỉ số thương mại (Trade Indicators) hay theo thời gian (Yearly Time Series), ...

Bước 3: Tùy chỉnh loại thông tin và hình thức thể hiện theo nhu cầu

Khi bảng thông tin hiện ra theo các lựa chọn ở Bước 1 và 2, người dùng có thể tiếp tục thay đổi các lựa chọn theo nhu cầu nghiên cứu.

(3) Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP)

Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP)

<https://fta.moit.gov.vn/>

Để giúp cộng đồng doanh nghiệp và người dân Việt Nam tận dụng hiệu quả các FTA, đặc biệt là các FTA thế hệ mới như EVFTA, Bộ Công Thương đã phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng và khai trương Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP) vào năm 2020.

FTAP cung cấp công cụ tra cứu trực tuyến thông minh cho cộng đồng doanh nghiệp và các đối tượng quan tâm đối với cam kết của các FTA mà Việt Nam tham gia như Hiệp định EVFTA, tập trung vào các cam kết thuế quan, quy tắc xuất xứ, dịch vụ và đầu tư, cũng như các thông tin khác như tình hình thị trường, các quy định về xuất nhập khẩu, phát triển bền vững v.v.

- ✓ **Ngoài việc đảm bảo tuân thủ quy định & quy chuẩn bắt buộc của EU, doanh nghiệp còn cần đáp ứng các yêu cầu riêng của các đối tác nhập khẩu cùng những tiêu chuẩn và chứng nhận quốc tế cần thiết.**

Nhãn sinh thái (Ecolabel)¹⁵

Nhãn sinh thái EU dành cho những sản phẩm tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chí sinh thái của EU, có các tính năng môi trường nổi bật. Nhãn sinh thái của châu Âu được xây dựng từ năm 1992 có biểu tượng là một bông hoa. Mục tiêu của nhãn bông hoa giúp cho người tiêu dùng có thể xác định sản phẩm đã được kiểm tra nghiêm



ngặt, đảm bảo chất lượng tốt, giảm tác động của sản phẩm đến môi trường từ quá trình sản xuất đến quá trình loại bỏ sản phẩm. Vì vậy, việc sở hữu nhãn sinh thái EU thể hiện sản phẩm có chất lượng tốt, đáp ứng các tiêu chí sinh thái nghiêm ngặt, giảm thiểu tác hại tới môi trường, qua đó nâng cao danh tiếng cho doanh nghiệp trong việc theo đuổi trách nhiệm môi trường.

Ngày nay, càng ngày càng nhiều người tiêu dùng không chỉ ở EU mà ở các thị trường khác quan tâm tới môi trường và sẵn sàng bỏ ra số tiền lớn hơn để mua những sản phẩm không gây hại tới môi trường. Vì vậy, dù việc đăng ký EU Ecolabel mất phí và kéo dài hàng năm, nhưng vẫn có rất nhiều doanh nghiệp đăng ký mỗi năm. Theo thống kê của EU Ecolabel, tới tháng ba năm 2021, đã có hơn 78 ngàn sản phẩm (hàng hóa và dịch vụ) được dán nhãn sinh thái EU trong 24 phân loại sản phẩm khác nhau. Để tìm hiểu về sản phẩm của doanh nghiệp có nằm trong tiêu chí nhãn sinh thái EU không, doanh nghiệp có thể truy cập vào trang web của EU Ecolabel để tìm hiểu chi tiết. Doanh nghiệp có thể liên hệ cơ quan có thẩm quyền ở một nước EU nơi hàng hóa của doanh nghiệp được bán hoặc sẽ được đưa ra thị trường để đăng ký nhãn này.

¹⁵ <https://ec.europa.eu/environment/ecolabel/products-groups-and-criteria.html>

Yêu cầu về trách nhiệm doanh nghiệp và phát triển bền vững

Trách nhiệm doanh nghiệp và sự phát triển bền vững ngày càng được EU quan tâm. Việc áp dụng các quy tắc ứng xử hoặc chính sách phát triển bền vững liên quan đến môi trường và xã hội sẽ mang lại lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp. Dưới đây là một số tiêu chuẩn được yêu cầu phổ biến nhất bởi người mua châu Âu:

- BSCI (Sáng kiến Tuân thủ trách nhiệm xã hội trong kinh doanh): đối với nhiều người mua ở châu Âu, BSCI là chứng nhận phổ biến nhất và là một hệ thống quản lý chuỗi cung ứng giúp nhà sản xuất thúc đẩy tuân thủ trách nhiệm xã hội.
- Các tiêu chuẩn phổ biến khác đảm bảo quyền của người lao động là SA8000, ISO 26000 và Fairtrade.
- Một tiêu chuẩn quản lý môi trường phổ biến là ISO 14001.

Chứng nhận về quản lý hệ thống QHSE	Các chứng nhận giải pháp quản lý rủi ro và chuỗi cung ứng	Các chứng nhận về phát triển bền vững và trách nhiệm doanh nghiệp
ISO 9001 ISO 14001 OHSAS 18001 EMAS	ISO 27001 ISO 28000 ISO 31000	SA8000 ASR CAP 26000 ISO 50001 CDM/JI EU ETS Về Khí thải carbon

✓ Khuyến nghị để nâng cao năng lực cạnh tranh

Phát triển công nghiệp phụ trợ cho ngành da giày là giải pháp bền vững đặc biệt trong bối cảnh những yếu tố như lực lượng lao động dồi dào, giá lao động rẻ đã không còn là lợi thế của Việt Nam và các FTA đang tạo thêm nhiều lợi thế về thuế quan, nhưng đều gắn với điều kiện về QTTX.

Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ, phát triển các hệ thống sản xuất hiện đại, từ đó tối ưu hóa quá trình sản xuất để nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm và tạo lợi thế cạnh tranh.

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm và đảm bảo toàn bộ quy trình sản xuất, đáp ứng các quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật của EU.

Tăng cường hợp tác, tìm kiếm các đối tác đầu tư nước ngoài để tận dụng nguồn công nghệ, nguồn vốn, trình độ quản lý cũng như kinh nghiệm của các nước phát triển.

Kịp thời nắm bắt các xu hướng tiêu dùng mới để chủ động điều chỉnh xuất khẩu các sản phẩm phù hợp.

Xây dựng chiến lược kinh doanh cho từng mặt hàng cụ thể, từng thị trường mục tiêu.

Đẩy mạnh xây dựng và phát triển thương hiệu: đây là vấn đề các doanh nghiệp Việt Nam thường ít chú trọng, chủ yếu làm theo đơn hàng gia công của nước ngoài nên giá trị gia tăng không cao. Vì thế để nâng cao lợi nhuận các doanh nghiệp cần đầu tư xây dựng thương hiệu của riêng mình và quảng bá tới các nhà nhập khẩu và người tiêu dùng EU thông qua các hình thức khác nhau.

Đa dạng hóa các hình thức quảng bá, xúc tiến thương mại, tận dụng các công cụ trực tuyến nhưng cũng không nên bỏ qua các hình thức truyền thống như các hội chợ triển lãm khu vực.

✓ Lưu ý về giấy chứng nhận xuất xứ C/O

C/O mẫu EUR.1 có những nội dung khá quen thuộc và đơn giản hơn so với Mẫu C/O trong các FTA trước đây. Mặc dù vậy, nội dung của Mẫu này trong EVFTA vẫn có những điểm khác biệt đáng chú ý so với các FTA Việt Nam từng ký kết khác. Các nội dung này cũng ảnh hưởng trực tiếp tới các loại giấy tờ mà doanh nghiệp cần cung cấp hoặc thông tin khai báo. Hiện các cam kết EVFTA về các vấn đề này

đã được nội luật hóa và hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 11/2020/TT-BCT về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong EVFTA. Doanh nghiệp xuất khẩu muốn hàng hóa hưởng ưu đãi thuế quan theo EVFTA cần tra cứu kỹ Thông tư này để biết QTXX từng mặt hàng và hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo EVFTA.

Ngoài ra doanh nghiệp cũng cần chú ý C/O mẫu EUR.1 có thể được cấp sau thời điểm xuất khẩu từ Việt Nam và nộp sau thời điểm nhập khẩu vào EU. Vì vậy, trong trường hợp hàng hóa của doanh nghiệp đáp ứng được QTXX của EVFTA nhưng vì lý do chính đáng nào đó mà chưa kịp xin C/O mẫu EUR.1 tại cơ quan có thẩm quyền Việt Nam thì vẫn có thể xin cấp C/O này sau thời điểm hàng hóa đã xuất khẩu sang EU. Đồng thời, doanh nghiệp có thể nộp muộn C/O mẫu EUR.1 cho cơ quan hải quan EU sau khi hàng hóa đã được nhập khẩu vào thị trường này để xin hồi tố thuế quan ưu đãi EVFTA mà trước đó vì chưa có C/O mẫu EUR.1 nên chưa được hưởng ưu đãi thuế.

✓ **Lưu ý trong giao dịch mua bán hàng hóa**

Gần đây, tại một số nước như Bắc Âu, Italia, Pháp, Hà Lan... xuất hiện tình trạng mạo danh các công ty nhập khẩu uy tín để lừa đảo các doanh nghiệp nước ngoài. Các đối tượng lừa đảo (thường từ các khu vực Trung Đông hoặc châu Phi) lợi dụng tâm lý cho rằng các nước châu Âu là các nước phát triển, hệ thống luật pháp chặt chẽ, các công ty làm ăn đảm bảo uy tín, đã lập các website giả danh các công ty có thật với địa chỉ văn phòng giả tại các nước EU nhằm tăng sự tin tưởng của các doanh nghiệp và sử dụng những phương thức lừa đảo tinh vi, đa dạng và khó xác minh. Vì vậy, doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần lưu ý, thận trọng và tìm hiểu kỹ đối tác trước khi ký kết, thực hiện hợp đồng mua bán.

✓ Lưu ý liên quan tới REACH và RSL

- Tìm hiểu danh sách đầy đủ các hóa chất bị cấm sử dụng bởi REACH¹⁶
- Truy cập phần Hỏi và Đáp trên trang web của ECHA¹⁷ để biết câu trả lời cho các vấn đề phổ biến nhất về REACH và việc sử dụng hóa chất trong vải và da.
- Để biết thêm thông tin cơ bản về việc sử dụng và đặc điểm của tất cả các loại hóa chất, truy cập cơ sở dữ liệu Chemexper¹⁸ miễn phí.
- Kiểm tra danh sách các chất bị hạn chế của H&M năm 2021¹⁹ để biết các yêu cầu cụ thể mà các thương hiệu thời trang có thể có.
- Tìm kiếm trên Internet các ví dụ khác về RSL bằng cách nhập tên của một thương hiệu lớn vào công cụ tìm kiếm của bạn kết hợp với 'RSL'. Một số người mua áp đặt yêu cầu khắt khe hơn quy định pháp luật, ví dụ như việc tuân thủ RSL của Hiệp hội Da giày Đức²⁰ - CADS: <https://www.cads-shoes.com/en/rsl>
- Đọc thêm về chương trình ZDHC và kiểm tra thương hiệu nào làm việc với ZDHC.
- Nhận thông báo mới nhất về các quy định của quốc gia và EU và các lệnh cấm đối với sản phẩm trên ePingalert²¹.
- ePing là sản phẩm của 3 tổ chức quốc tế, Bộ Kinh tế và Xã hội của Liên hợp quốc (the United Nations Department for Economic and Social Affairs - UNDESA), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC). ePing kết hợp chuyên môn và kinh nghiệm của 3 tổ chức trên

¹⁶ Danh sách đầy đủ các hóa chất bị cấm sử dụng bởi REACH: <https://echa.europa.eu/substances-restricted-under-reach>

¹⁷ Hỏi và Đáp trên trang web của Cơ quan Hóa chất Châu Âu: <https://echa.europa.eu/support>

¹⁸ Chemexper: <http://www.chemexper.com/>

¹⁹ Danh sách các chất bị hạn chế của H&M năm 2021:

https://hmgroupp.com/content/dam/hmgroupp/groupsite/documents/masterlanguage/CSR/CSR/Policies/HM%20Group%20Chemical%20Restrictions%20Hardline%202021_GPCD-000076-3-.pdf

²⁰ Hiệp hội Da giày Đức - the German Federal Association of the Footwear and Leather Goods Industry: <https://www.hdsl.eu/Home-en>

²¹ EPingalert: <https://www.epingalert.org/en>

để tạo điều kiện dễ dàng truy cập thông tin về yêu cầu sản phẩm trong thị trường nước ngoài.

- Đảm bảo rằng doanh nghiệp chỉ làm việc với các nhà cung cấp sợi, thuốc nhuộm, vải và da, nhãn, bản in, đồ trang trí và phụ kiện tuân thủ REACH. Yêu cầu bằng chứng rằng họ đang có.
- Tạo hợp đồng với nhà cung cấp của doanh nghiệp, trong đó các yêu cầu pháp lý của Liên minh Châu Âu được quy định và chỉ rõ.
- Thực hiện kiểm tra sản phẩm ngẫu nhiên để đảm bảo nhà cung cấp của doanh nghiệp đã thực sự hoàn thành hợp đồng của mình. Luôn sử dụng phòng thử nghiệm được chứng nhận. Tiêu chuẩn năng lực được sử dụng nhiều nhất cho các phòng thí nghiệm là ISO/IEC 17025.
- Kiểm tra danh sách các chất có khả năng bị cấm hoặc hạn chế sử dụng trên trang web của ECHA²².
- Một số cách kiểm tra các chất hoá học bị hạn chế/cấm sử dụng có thể được tìm thấy trên Ủy ban Tiêu chuẩn hóa châu Âu (European Committee for Standardization - CEN)²³
- Lưu ý rằng, một số quốc gia châu Âu có các hạn chế bổ sung hoặc nghiêm ngặt hơn đối với các chất hóa học. Ví dụ, một số quốc gia khắt khe với formaldehyde trong hàng dệt (Áo, Đức, Phần Lan và Hà Lan), những quốc gia khác về phencyclidine, hoặc PCP, trong hàng dệt (Áo, Đan Mạch, Đức, Hà Lan) và những nước khác về thuốc nhuộm phân tán trong hàng dệt (Đức). Để tìm hiểu thêm, hãy liên hệ với Bộ phận trợ giúp²⁴ của ECHA hoặc các cơ quan quốc gia ở châu Âu.

²² Danh sách các chất có khả năng bị cấm hoặc hạn chế sử dụng: <https://echa.europa.eu/candidate-list-table>

²³ CEN: <http://www.cen.eu/cen/pages/default.aspx>

²⁴ Bộ phận trợ giúp của ECHA: <https://echa.europa.eu/support/helpdesks>

VIII. Các địa chỉ, thông tin hữu ích

1. Hiệp hội Da - Giày - Túi xách Việt Nam

Địa chỉ: Số 160 Hoàng Hoa Thám, Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Điện thoại: +84 24 37281560

Email: Info@lefaso.org.vn

Website: <http://www.lefaso.org.vn/>

2. Các Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam

Hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu (EuroCham)

Văn phòng Hà Nội:

Địa chỉ: Căn 08, Tầng 3B, Tháp Horizon, 40 Cát Linh, Hà Nội

Tel: (84-24) 3 715 2228

Fax: (84-24) 3 715 2218

Email: info-hn@eurochamvn.org

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 5, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Tel: (84-28) 3827 2715

Fax: (84-28) 3827 2743

Email: info-hcm@eurochamvn.org

Hiệp Hội Doanh nghiệp Bỉ - Luxembourg (Belux Cham)

Địa chỉ: Tầng 5, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 028-38224029; Fax: 028-38272743

Email: info@beluxcham.com

Website: <https://www.beluxcham.com>

Hiệp hội Doanh nghiệp Hà Lan (DBAV)

Địa chỉ: Dreamplex, 4F Tòa IMC, 62 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh,

Điện thoại: +84 28 73 00 22 94; Fax: 028-38272743

Website: <https://dbav.org.vn>

Phòng Thương mại và Công nghiệp Pháp (CCIFV)

Văn phòng Hà Nội:

CCI France-Vietnam Hanoi, 59 Hàm Long, Quận Hoàn Kiếm.

Văn phòng Hồ Chí Minh:

186 Nguyễn Văn Hưởng, Thảo Điền, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028-38258625
 Email: info.hcm@ccifv.org
 Website: <https://www.ccifv.org>

Hiệp hội Doanh nghiệp Đức (GBA)

Địa chỉ: Tầng 4, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Điện thoại: 028-38239772
 Email: info@gba-vietnam.org
 Website: <https://gba-vietnam.org>

Phòng Thương mại Bắc Âu (NordCham)

Văn phòng Hà Nội:

Địa chỉ: Căn 08, Tầng 3B, Tháp Horizon, 40 Cát Linh, Hà Nội
 Tel: (84-24) 3 715 2228
 Fax: (84-24) 3 715 2218
 Email: chair@nordchamvietnam.com/admin@nordchamvietnam.com

Văn phòng Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: 15F, Tòa nhà Landmark, 5B Tôn Đức Thắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: 028-38272715; Fax: 028-38272743
 Email: vicechair@nordchamvietnam.com
 Website: <https://nordchamvietnam.com>

Hiệp hội Doanh nghiệp Italia (ICHAM)

Văn phòng Hà Nội:

Địa chỉ: Casa Italia, 18 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Tel: (+84) 24 3824 5997

Văn phòng Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 5, Deutsches Haus TP.HCM, 33 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM
 Tel: 028-38224059; Fax: 028-38224427
 Email: officer@icham.org
 Website: <http://www.icham.org>

Hiệp hội Doanh nghiệp Tây Ban Nha

Địa chỉ: 701-702, Tầng 7, Diamond Plaza, 34 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: 028-38251939;
 Email: spanishchambervn@gmail.com
 Website: <http://www.spanishchambervn.com>

3. Hệ thống Thương vụ Việt Nam tại châu Âu

Thương vụ tại Anh kiêm nhiệm Ireland Tham tán Công sứ: Nguyễn Cảnh Cường Địa chỉ: F 23, Bullingham Mansions Pitt Street Tel: +44 207 207 9825 Email: uk@moit.gov.vn , cuongnc@moit.gov.vn
Thương vụ tại Áo kiêm nhiệm Slovenia Phụ trách Thương vụ: Trần Việt Phương Địa chỉ: Gregor Mendel Strasse 52, 1190 Vienna, Austria Tel: +43 1 3671759 Email: at@moit.gov.vn ; phuongtvi@moit.gov.vn
Thương vụ tại Ba Lan kiêm nhiệm Litva, Phần Lan, Estonia Tham tán Thương mại: Nguyễn Thành Hải Địa chỉ: Ul. Łucka 20, m. 87, 00-845, Warszawa Tel: +48 22 1147131 Email: pl@moit.gov.vn , haint@moit.gov.vn
Thương vụ tại Bỉ và EU kiêm nhiệm Luxembourg Tham tán Thương mại: Trần Ngọc Quân Địa chỉ: Avenue de Foestraets 16, 1180 Uccle - Brussels, Belgium Tel: +32 2 3118976 Email: quantn@moit.gov.vn , be@moit.gov.vn
Thương vụ tại Bungari kiêm nhiệm Hy Lạp, Macedonia, Albania Phụ trách Thương vụ: Phạm Tuấn Huy Địa chỉ: 1, Jetvarka Str., 1113 Sofia Bulgaria Tel: +359 2 9632609 ext 102 Email: bg@moit.gov.vn , huypt@moit.gov.vn
Thương vụ tại Đức Tham tán Thương mại: Bùi Vương Anh Địa chỉ: Oranien str.164, 10969 Berlin, Bundesrepublik Deutschland Tel: +49 30 2298198; +49 30 2292374 Email: de@moit.gov.vn ; anhbv@moit.gov.vn
Thương vụ tại Hà Lan Tham tán Thương mại: Võ Thị Ngọc Diệp Địa chỉ: 261 Laan Van Nieuw Oost – Indie 2593 BR, The Hague Tel: +31 70 3815594

Email: nl@moit.gov.vn
Thương vụ tại Hungary kiêm nhiệm Croatia, Bosnia-Herzegovina Tham tán Thương mại: Phạm Văn Công Địa chỉ: H-1147 Budapest, Miskolci utca 89 Tel: + 36 1 2616361 Email: hu@moit.gov.vn , congvt@gmail.com
Thương vụ tại Pháp kiêm nhiệm Bồ Đào Nha, Monaco, Andorra Phụ trách Thương vụ: Vũ Anh Sơn Địa chỉ: 44 Avenue de Madrid, 92200 Neuilly sur Seine, France Tel: +33 1 46248577 Email: fr@moit.gov.vn
Thương vụ tại Rumani kiêm nhiệm Serbia, Montenegro Tham tán Thương mại: Phạm Thu Hà Địa chỉ: Strada General Alexandru Cernat nr.3A, Sector 1, Bucuresti – Rumani. Tel: +40 31 1007613 Email: ro@moit.gov.vn ; hapth@moit.gov.vn
Thương vụ tại Séc kiêm nhiệm Slovakia Tham tán thương mại: Nguyễn Thị Hồng Thủy Địa chỉ: Rasinovo Nabrezi 38, 128 00 Praha 2, Czech Republic Tel: +420 773 635 829 Email: cz@moit.gov.vn ; thuyng@moit.gov.vn
Thương vụ tại Tây Ban Nha Tham tán thương mại: Vũ Chiến Thắng, Địa chỉ: Paseo de la Castellana, 166, Esc.2, 2º Izq, 28046 Madrid, Spain Tel: +34 91 3450519 Email: espa@moit.gov.vn ; thangvc@moit.gov.vn
Thương vụ tại Thụy Điển kiêm nhiệm Đan Mạch, Iceland, Na Uy, Latvia Tham tán Thương mại: Nguyễn Thị Hoàng Thúy Địa chỉ: Upplandsgatan 38, 5th Floor, 11328 Stockholm, Sweden Tel: +46 8 322666 Email: se@moit.gov.vn , thuynh@moit.gov.vn
Thương vụ tại Ý kiêm nhiệm Malta, Cyprus, San Marino Tham tán Công sứ: Nguyễn Đức Thanh Địa chỉ: Via Po 22, 00198 Roma, Italia Tel: +39 06 841 3913 Email: it@moit.gov.vn , thanhnguyen@moit.gov.vn

4. Mạng lưới và cơ sở dữ liệu hữu ích khác

- Liên minh châu Âu: <http://europa.eu/>
- Cơ sở dữ liệu pháp luật của EU: <https://eur-lex.europa.eu/homepage.html>
- Hệ thống dữ liệu về Tiếp cận thị trường của EU - Access2Markets:
<https://trade.ec.europa.eu/access-to-markets/en/home>
- Cơ quan Thống kê châu Âu Eurostat: <https://ec.europa.eu>
- Ủy ban tiêu chuẩn hóa châu Âu (CEN - European Committee for Standardization):
<https://www.cen.eu/Pages/default.aspx>
- Liên minh Thuế và Hải quan châu Âu: https://ec.europa.eu/taxation_customs
- Liên đoàn Công nghiệp giày dép châu Âu: <http://cec-footwearindustry.eu/>
- Vụ Thị trường châu Âu – châu Mỹ, Bộ Công Thương:
<https://goglobal.moit.gov.vn/>
- Cổng Thông tin điện tử về FTA (FTAP): <https://fta.moit.gov.vn/>
- Thông tin về Hiệp định Thương mại tự do EVFTA: <http://evfta.moit.gov.vn/>
- Trung tâm thúc đẩy xuất khẩu từ các nước đang phát triển của Hà Lan:
<https://www.cbi.eu/>
- Safe Gate: <https://ec.europa.eu/safety-gate/#/screen/home>
- Chỉ thị chung về An toàn sản phẩm (Product Safety Directive):
<http://data.europa.eu/eli/dir/2001/95/2010-01-01>

5. Các hội chợ lớn của ngành giày dép châu Âu

- | | |
|--|--|
| • bazaar-berlin.de | • lineapelle-fair.it |
| • exporivaschuh.it | • micamonline.com |
| • tag-it-show.com | • ispo.com |
| • gds-online.com | |

6. Tham khảo danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu giày dép sang EU đạt kim ngạch cao trong 6 tháng đầu năm 2021

TT	Doanh nghiệp xuất khẩu
1	CÔNG TY TNHH POUYUEN VIỆT NAM
2	CÔNG TY CỔ PHẦN TAE KWANG VINA INDUSTRIAL
3	CÔNG TY CHANG SHIN VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN.
4	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÁI BÌNH
5	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HWASEUNG VINA
6	CÔNG TY TNHH TỶ XUÂN
7	CÔNG TY TNHH DỰ ĐỨC VIỆT NAM
8	CÔNG TY TNHH GIÀY DONA STANDARD VIỆT NAM
9	CÔNG TY TNHH GIÀY CHING LUH VIỆT NAM
10	CÔNG TY GIÀY RIEKER VIỆT NAM
11	CÔNG TY TNHH GIÀY ĐỒNG NAI VIỆT VINH.
12	CÔNG TY TNHH GIÀY NGỌC TỀ
13	CÔNG TY TNHH VIỆT NAM SAMHO
14	CÔNG TY TNHH GIÀY ANNORA VIỆT NAM
15	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP GIÀY AURORA VIỆT NAM
16	CÔNG TY TNHH SAO VÀNG
17	CÔNG TY TNHH FREETREND INDUSTRIAL (VIỆT NAM)
18	CÔNG TY TNHH GIÀY ALERON VIỆT NAM
19	CÔNG TY CỔ PHẦN VIỆT NAM MỘC BÀI
20	CÔNG TY TNHH FREETREND INDUSTRIAL A (VIỆT NAM)
21	CÔNG TY TNHH BEESCO VINA
22	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP HÀI MỸ PHÚ THỌ
23	CÔNG TY TNHH SHYANG HUNG CHENG
24	CÔNG TY TNHH FREEWELL (VIỆT NAM)
25	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN POU SUNG VIỆT NAM
26	CÔNG TY TNHH LẠC TỶ II
27	CÔNG TY TNHH GIÀY ADORA VIỆT NAM
28	CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY HỒNG BẢO

TT	Doanh nghiệp xuất khẩu
29	CÔNG TY TNHH FREEVIEW INDUSTRIAL (VIỆT NAM)
30	CÔNG TY TNHH GIÀY APACHE VIỆT NAM
31	CÔNG TY TNHH SHYANG YING
32	CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM.
33	CÔNG TY TNHH HÀI MỸ- NHÀ MÁY SÀI GÒN
34	CÔNG TY TNHH GIẦY SUN JADE VIỆT NAM
35	CÔNG TY TNHH GIẦY AMARA VIỆT NAM
36	CÔNG TY TNHH GIẦY ALENA VIỆT NAM
37	CÔNG TY TNHH GIẦY ROLL SPORT VIỆT NAM
38	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ĐỈNH VÀNG
39	CÔNG TY TNHH GIẦY FU-LUH
40	CÔNG TY TNHH DIAMOND VIỆT NAM
41	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN LONG RICH (VIỆT NAM)
42	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DONA PACIFIC VIỆT NAM
43	CÔNG TY TNHH VMC HOÀNG GIA
44	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY UY VIỆT
45	CÔNG TY TNHH CAN SPORTS VIỆT NAM
46	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU HOÀ PHONG
47	CÔNG TY TNHH CI BAO
48	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP ĐÔNG HƯNG
49	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
50	CÔNG TY TNHH JIA HSIN
51	CÔNG TY TNHH LONG FA (VIỆT NAM)
52	CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ RIGHT RICH
53	CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM
54	CÔNG TY TNHH ĐẠI HOA
55	CÔNG TY TNHH POU LI VIỆT NAM
56	CÔNG TY TNHH GOLDEN VICTORY VIỆT NAM
57	CÔNG TY TNHH CHÍ HÙNG
58	CÔNG TY TNHH SHEEN BRIDGE

TT	Doanh nghiệp xuất khẩu
59	CÔNG TY CỔ PHẦN THÁI BÌNH KIÊN GIANG
60	CÔNG TY TNHH GIÀY VIỄN THỊNH
61	CÔNG TY TNHH ĐÔNG PHƯƠNG ĐỒNG NAI VIỆT NAM.
62	CÔNG TY TNHH GIÀY ATHENA VIỆT NAM
63	CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY CHUNG JYE NINH BÌNH - VIỆT NAM
64	CÔNG TY TNHH HAKSAN VI NA
65	CÔNG TY TNHH PRO WELL (VIỆT NAM)
66	CÔNG TY TNHH GIÀY THÔNG DỤNG
67	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP ORIENTAL SPORTS VIỆT NAM
68	CÔNG TY TNHH GIÀY DÉP THÁI THỤY
69	CÔNG TY TNHH VIETORY
70	CÔNG TY CỔ PHẦN GIÀY ĐẠI LỘC

(Danh sách thống kê sơ bộ, chỉ mang tính tham khảo)

VỤ THỊ TRƯỜNG CHÂU ÂU - CHÂU MỸ, BỘ CÔNG THƯƠNG

Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 24.2220.5376

Email: vuaumy.molt@gmail.com

Website: goglobal.moit.gov.vn

Facebook: www.fb.com/vuthitruongchauauchaumy